

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho người ứng cử/đề cử bầu làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty hợp nhất)

1. Họ và tên : NGUYỄN TẤN LONG
2. Giới tính : Nam.
3. Ngày tháng năm sinh : Ngày 08 tháng 11 năm 1967.
4. Nơi sinh : TP Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh.
5. Quốc tịch : Việt Nam.
6. Dân tộc : Kinh.
7. Quê quán : Xã Liên Bảo – Huyện Vụ Bản – Tỉnh Nam Định
8. Số CMTND/CCCD : 022067000839 cấp ngày 01/5/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
9. Địa chỉ thường trú : Tổ 6 khu 7 Phường Cẩm Thành - TP Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh
10. Điện thoại liên lạc : 0912170667
11. Trình độ văn hoá : 10/10
12. Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Cơ khí động lực.
13. Quá trình công tác
- + Từ tháng 12/1984 đến tháng 3/1985: Học nghề tại XNVT ô tô Cẩm Phả, Quảng Ninh
 - + Từ tháng 4/1985 đến tháng 02/1987: Nhân viên Phòng Quản trị XNVT ô tô Cẩm Phả.
 - + Từ tháng 3/1987 đến tháng 12/1988: Nhân viên Phòng Quản trị Mỏ than Cọc Sáu.
 - + Từ tháng 01/1989 đến tháng 11/1994: SC ô tô PXSC ô tô Mỏ Than Cọc Sáu.
 - + Từ tháng 12/1994 đến tháng 8/1999: Cán bộ Phòng Vật tư Mỏ Than Cọc Sáu.
 - + Từ tháng 9/1999 đến tháng 8/2004: Phó Trưởng phòng Vật tư Công ty Than Cọc Sáu.
 - + Từ tháng 9/2004 đến tháng 9/2005: Quyền Trưởng phòng Quản lý mạng Công ty Than Cọc Sáu.
 - + Từ tháng 10/2005 đến tháng 8/2007: Trưởng phòng Quản lý Vật tư Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - TKV.
 - + Từ tháng 9/2007 đến tháng 3/2008: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Than Cọc Sáu – TKV.
 - + Từ tháng 4/2008 đến tháng 3/2012 : Thành viên HĐQT nhiệm kỳ I (2007 ÷ 2012) – Phó Giám đốc Công ty cổ phần Than Cọc Sáu – Vinacomin.

+ Từ tháng 4/2012 đến tháng 4/2017: Thành viên HĐQT nhiệm kỳ II (2012÷2017) – Phó Giám đốc Công ty cổ phần Than Cọc Sáu – Vinacomin.

+ Từ tháng 4/2017 đến nay: Thành viên HĐQT nhiệm kỳ III (2017÷2022) – Phó Giám đốc Công ty cổ phần Than Cọc Sáu – Vinacomin.

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT – Phó Giám đốc Công ty cổ phần Than Cọc Sáu- Vinacomin.

14. Chức vụ công tác ở Công ty khác: Không.

15. Số cổ phần (TC6) nắm giữ : 2.437 cổ phần.

Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân : 2.437 cổ phần.

+ Đại diện phần vốn Nhà nước : 0 cổ phần.

16. Số cổ phần (TC6) do người có liên quan nắm giữ: Không.

17. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.

18. Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đó.

Tôi cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty hợp nhất nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

Cẩm Phả, ngày tháng 12 năm 2023

NGƯỜI KÊ KHAI

Nguyễn Tấn Long

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho người ứng cử/đề cử bầu làm thành viên Ban kiểm soát Công ty hợp nhất)

1. Họ và tên: **NGUYỄN THỊ LƯƠNG ANH**
2. Giới tính: Nữ
3. Ngày sinh: 04 tháng 01 năm 1971
4. Dân tộc: Kinh
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Quê quán, nơi sinh: Huyện Thanh Chương, Tỉnh Nghệ An; nơi sinh: Hà Nội
7. Địa chỉ thường trú: Tổ 21- Phường Yên Hòa - Quận Cầu Giấy - Thành phố Hà Nội
8. Số CMTND/CCCD : 001171013381 cấp ngày 20/04/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
9. Điện thoại liên hệ: Di động: 0913.037.104 email: luonganh.kiemtoan@gmail.com
10. Trình độ văn hóa: 12/12
11. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế (Chuyên ngành kế toán tài chính doanh nghiệp)
12. Quá trình công tác (từ 18 tuổi đến nay):

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
07/1990-12/1993	Trường công nhân kỹ thuật mỏ Bắc Thái	Cán bộ kế toán
01/1994-04/1996	Nhà máy xi măng La Hiên	Phó phòng kế toán
05/1996-06/2000	Xí nghiệp vật tư vận tải và chế biến than	Cán bộ kế toán
07/2000-10/2001	Xí nghiệp vật tư vận tải và chế biến than	Phó phòng kế toán
11/2001-08/2009	Công ty CP SX & KDVTTB-VVMI	Kế toán trưởng
09/2009-10/2009	Công ty CP SX & KDVTTB-VVMI	Chuyên viên chính phòng KHVT
11/2009-12/2009	Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc-TKV	Chuyên viên phòng Kiểm toán
01/2010-10/2010	Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc-TKV	Chuyên viên phòng đầu tư
11/2010-03/2012	Tổng công ty Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc-Vinacomin	Chuyên viên phòng Kiểm toán

04/2012-09/2015	Tổng công ty Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc-Vinacomin	Phó phòng Kiểm toán
10/2015- 21/4/2021	Tổng công ty Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	Trưởng ban kiểm soát
15/04/2021 đến nay	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	Người kiểm soát phần vốn thuộc Ban Kiểm soát nội bộ
22/04/2021 đến nay	Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin.	Trưởng ban Kiểm soát

- Chức vụ công tác ở Công ty khác:

- + Trưởng ban Kiểm soát Công ty cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin;
- + Trưởng ban Kiểm soát Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin;
- + Thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại - Vinacomin;
- + Kiểm soát viên Viện khoa học Công nghệ Mỏ - Vinacomin.

13. Số cổ phần (TC6) nắm giữ : Không

14. Số cổ phần (TC6) của người có liên quan nắm giữ : Không.

15. Hành vi vi phạm pháp luật : Không

16. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

17. Chức vụ hiện nay: Người kiểm soát phần vốn thuộc Ban Kiểm soát nội bộ Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đó.

Tôi cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty hợp nhất nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát.

Cẩm Phả, ngày tháng 12 năm 2023

NGƯỜI KHAI

Nguyễn Thị Lương Anh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho người ứng cử/đề cử bầu làm thành viên Ban kiểm soát Công ty hợp nhất)

1. Họ và tên : **NGUYỄN THỊ YẾN**
2. Giới tính : **Nữ**
3. Ngày, tháng, năm sinh : **ngày 25 tháng 7 năm 1977**
4. Nơi sinh : **Cẩm phá - Tỉnh Quảng Ninh**
5. Quốc tịch : **Việt Nam**
6. Dân tộc : **Kinh**
7. Quê quán : **Khoái Châu - Hưng Yên**
8. Số CMTND/CCCD/hộ chiếu: **022 177 008 544** Cấp ngày **27/6/2022**
9. Địa chỉ thường trú : **Tổ 6-Khu 7- Cẩm Thành- Cẩm phá - Quảng Ninh**
10. Điện thoại liên lạc : **03 777 57585**
11. Trình độ văn hoá : **12/12**
12. Trình độ chuyên môn : **Cử nhân ngành QTKD; Cử nhân ngành Kế toán doanh nghiệp.**

13. Quá trình công tác:

2001÷02/2002	CN thống kê PX Cơ Điện – Cty CP Than Đèo Nai
03/2002 ÷11/2003	Nhân viên hạch toán PX Cơ Điện- Cty CP Than Đèo Nai
12/2003÷08/2007	Nhân viên kinh tế - PX Trạm Mạng-Cty CP Than Đèo Nai
09/2007 ÷07/2015	Cán bộ phòng TK Kế toán Tài Chính (nay là phòng KT) Cty CP Than Đèo Nai
08/2015 ÷01/2016	Cán bộ phòng Thanh tra -Kiểm toán Cty CP Than Đèo Nai
02/2016 ÷12/20117	Phó trưởng phòng Thanh tra -Pháp chế- Kiểm toán (phụ trách KTNB) Cty CP Than Đèo Nai
01/2018÷02/2021	Phó Chánh văn phòng .(phụ trách KTNB) Cty CP Than Đèo Nai
03/2021 đến nay	Phó phòng KSNB và Bảo Vệ (Phụ trách KTNB) Cty CP Than Đèo Nai

14. Số cổ phần (TDN) nắm giữ : **07 cổ phần ; chiếm 0,00002 % vốn điều lệ, trong đó:**

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/tổ chứckhác) sở hữu: **Không**

+ Sở hữu cá nhân: **07**

15. Số cổ phần (TDN) của người có liên quan nắm giữ : Không.

16. Hành vi vi phạm pháp luật : Không

17. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

18. Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty - Phó phòng Kiểm soát nội bộ và Bảo Vệ (Phụ trách KTNB) Công ty CP Than Đèo Nai – Vinacomin.

19. Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

20. Danh sách người có liên quan của người khai:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Số lượng CP/CCQ nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của công ty cổ phần ... (nếu có)	Mối quan hệ
1	Nguyễn Đình Thắng	022070011991 ngày cấp 12/4/2022	Không	Chồng Bà Yến
2	Nguyễn Đình Nam	022203003199 cấp ngày 25/04/2021	Không	Con trai Bà Yến
3	Nguyễn Yến My	022305005773 cấp ngày 01/05/2021	Không	Con gái Bà Yến
4	Nguyễn Thị Hòa	022155000690 cấp ngày 18/5/2022	Không	Chị gái Bà Yến
5	Nguyễn Thị Liên	022158001180 cấp ngày 10/8/2021	Không	Chị gái Bà Yến
6	Nguyễn Thị Minh	022161001168 cấp ngày 25/4/2021	Không	Chị gái Bà Yến
7	Nguyễn Thị Oanh	022168006564 cấp ngày 12/8/2021	Không	Chị gái Bà Yến
8	Nguyễn Văn Tiến	-	Không	Anh trai Bà Yến
9	Nguyễn Văn Dũng	022072003437 cấp ngày 22/12/2021	Không	Anh trai Bà Yến
10	Trần Xuân Ảnh	03305300524 cấp ngày 18/5/2022	Không	Anh rể Bà Yến
11	Nguyễn Văn Cang	031059007297 cấp ngày 25/4/2021	Không	Anh rể Bà Yến
12	Trần Văn Trọng	022063001226 cấp ngày 22/12/2021	Không	Anh rể Bà Yến
13	Nguyễn Thị Lan	033159014311 cấp ngày 20/8/2021	Không	Chị chồng
14	Nguyễn Thị Loan	033162001127 cấp ngày 03/03/2022	Không	Chị chồng

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Cẩm Phả, ngày tháng 12 năm 2023
Người kê khai

Nguyễn Thị Yến

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho người ứng cử/đề cử bầu làm thành viên Ban kiểm soát Công ty hợp nhất)

1. Họ và tên : **TRẦN THỊ ĐIỆP**
2. Giới tính : Nữ.
3. Ngày tháng năm sinh : Ngày 18 tháng 11 năm 1976.
4. Nơi sinh : Xã Vũ Lạc – Huyện Kiến Xương – Tỉnh Thái Bình.
5. Quốc tịch : Việt Nam.
6. Dân tộc : Kinh.
7. Quê quán : Xã Vũ Lạc – Huyện Kiến Xương – Tỉnh Thái Bình.
8. Số CMTND/CCCD : 034176017605 cấp ngày 10/5/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
9. Địa chỉ thường trú : Tổ 5-Phường Cẩm Trung- TP Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh.
10. Điện thoại liên lạc : 0915529966.
11. Trình độ văn hoá : 12/12.
12. Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Kinh tế và Quản trị doanh nghiệp.
13. Quá trình công tác (từ 18 tuổi đến nay):

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/1997 -06/2002	PXSC ô tô, Công ty Than Cọc Sáu	Công nhân
7/2002 - 05/2019	Phòng Kế toán - Thống kê – Tài chính, Công ty cổ phần Than Cọc Sáu–Vinacomin.	Chuyên viên
06/2019 -14/01/2021	Phòng Thanh tra- Bảo vệ - Kiểm toán, Công ty cổ phần Than Cọc Sáu – Vinacomin.	Phó Trưởng phòng phụ trách công tác kiểm toán nội bộ,
15/01/2021 đến nay	Phòng Thanh tra- Bảo vệ - Kiểm toán, Công ty cổ phần Than Cọc Sáu – Vinacomin	Phó Trưởng phòng, Người phụ trách kiểm toán nội bộ,
16/05/2020 đến nay	Công ty cổ phần Than Cọc Sáu – Vinacomin	Thành viên Ban kiểm soát

14. Chức vụ công tác ở Công ty khác: Không.

15. Số cổ phần (TC6) nắm giữ : 650 cổ phần.

Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân : 650 cổ phần.

+ Đại diện phần vốn Nhà nước : 0 cổ phần.

16. Số cổ phần (TC6) do người có liên quan nắm giữ: 975 cổ phần.

17. Hành vi vi phạm pháp luật : Không

18. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đó.

Tôi cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty hợp nhất nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát.

Cám Phả, ngày tháng 12 năm 2023

NGƯỜI KHAI

Trần Thị Điệp



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Cẩm Phả, ngày 29 tháng 12 năm 2023

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
BẦU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Công ty cổ phần Than Đèo Nai- Cọc Sáu- TKV
(Nhiệm kỳ 05 năm kể từ ngày Công ty chính thức được hoạt động)

Hôm nay, vào hồi 10 giờ 05 phút, ngày 29 tháng 12 năm 2023

Địa điểm tại: Hội trường Tầng 2 – Nhà SHCN Công ty cổ phần Than Cọc Sáu – Vinacomin.

Tổ Kiểm phiếu và bầu cử chúng tôi gồm những người có tên sau đây:

- 1) Ông Phạm Việt Thắng Trưởng ban
- 2) Bà Nguyễn Thanh Hải Thành viên
- 3) Ông Thái Đình Hiếu Thành viên

Đã tiến hành kiểm phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Than Đèo Nai- Cọc Sáu - TKV theo đúng chức trách, nhiệm vụ được giao và nhất trí lập biên bản như sau:

- Tổng số cổ đông tham gia Đại hội là 25 cổ đông, có 21.604.934 cổ phần, sở hữu và đại diện cho 66,48% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
- Tổng số cổ đông tham gia bầu cử là 25 cổ đông, có 21.604.934 cổ phần, sở hữu và đại diện cho 66,48% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
- Số phiếu phát ra là: 25 phiếu, tương ứng 21.604.934 phiếu bầu;
- Số phiếu thu về: 25 phiếu, tương ứng 21.604.934 phiếu bầu;
- Số phiếu không hợp lệ là: 0 phiếu, tương ứng: 0 phiếu bầu;
- Số phiếu hợp lệ là: 25 phiếu, tương ứng với 21.604.934 phiếu bầu;

Kết quả số phiếu bầu và tỷ lệ phiếu bầu (tính trên tổng số phiếu bầu hợp lệ của các cổ đông tham gia bầu cử) của từng ứng cử viên như sau:

- 1) Ông Nguyễn Trọng Tốt, được 52.806.000 phiếu bầu;
- 2) Ông Đặng Thanh Bình, được 25.000.000 phiếu bầu;
- 3) Ông Nguyễn Văn Thuận, được 28.600.845 phiếu bầu;
- 4) Ông Vũ Trọng Hùng, được 542.400 phiếu bầu;
- 5) Ông Nguyễn Tấn Long, được 1.075.425 phiếu bầu;

Việc kiểm phiếu được tiến hành từ 10 giờ 05 phút đến 10 giờ 10 phút cùng ngày.

Biên bản này được lập thành 02 bản, đã được các thành viên Tổ Kiểm phiếu và bầu cử nhất trí ký tên xác nhận và bàn giao biên bản cùng toàn bộ phiếu bầu cho Chủ toạ Đại hội.

(Các thành viên Tổ kiểm phiếu và bầu cử ký, ghi rõ họ tên)

Tổ trưởng

Thành viên

Thành viên

Phạm Việt Thắng

Nguyễn Thanh Hải

Thái Đình Hiếu



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Cẩm Phả, ngày 29 tháng 12 năm 2023

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
BẦU THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
Công ty cổ phần Than Đèo Nai-Cọc Sáu-TKV
(Nhiệm kỳ 05 năm kể từ ngày Công ty chính thức được hoạt động)**

Hôm nay, vào hồi 10 giờ 05 phút, ngày 29 tháng 12 năm 2023

Địa điểm tại: Hội trường Tầng 2 – Nhà SHCN Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinnacomín

Tổ kiểm phiếu và bầu cử chúng tôi gồm những người có tên sau đây:

- 1) Ông Phạm Việt Thắng Trưởng ban
- 2) Bà Nguyễn Thanh Hải Thành viên
- 3) Ông Thái Đình Hiếu Thành viên

Đã tiến hành kiểm phiếu bầu thành viên Ban Kiểm soát của Công ty cổ phần Than Đèo Nai-Cọc Sáu-TKV theo đúng chức trách, nhiệm vụ được giao và nhất trí lập biên bản như sau:

- Tổng số cổ đông tham gia Đại hội là 25 cổ đông, có 21.604.934 cổ phần, sở hữu và đại diện cho 66,48% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

- Tổng số cổ đông tham gia bầu cử là 25 cổ đông, có 21.604.934 cổ phần, sở hữu và đại diện cho 66,48% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

- Số phiếu phát ra là: 25 phiếu, tương ứng 21.604.934 phiếu bầu;

- Số phiếu thu về: 25 phiếu, tương ứng 21.604.934 phiếu bầu;

- Số phiếu không hợp lệ là: 0 phiếu, tương ứng: 0 phiếu bầu;

- Số phiếu hợp lệ là: 25 phiếu, tương ứng với 21.604.934 phiếu bầu;

Kết quả số phiếu bầu và tỷ lệ phiếu bầu (tính trên tổng số phiếu bầu hợp lệ của các cổ đông tham gia bầu cử) của từng ứng cử viên như sau:

1) Bà Nguyễn Thị Lương Anh, được 63.844.107 phiếu bầu;

2) Bà Nguyễn Thị Yên, được 325.440 phiếu bầu;

3) Bà Trần Thị Điệp, được 645.255 phiếu bầu;

Việc kiểm phiếu được tiến hành từ 10 giờ 05 phút đến 10 giờ 10 phút cùng ngày.

Biên bản này được lập thành 02 bản, đã được các thành viên Tổ Kiểm phiếu và bầu cử nhất trí ký tên xác nhận và bàn giao biên bản cùng toàn bộ phiếu bầu cho Chủ toạ Đại hội.

(Các thành viên Tổ kiểm phiếu và bầu cử ký, ghi rõ họ tên)

Tổ trưởng

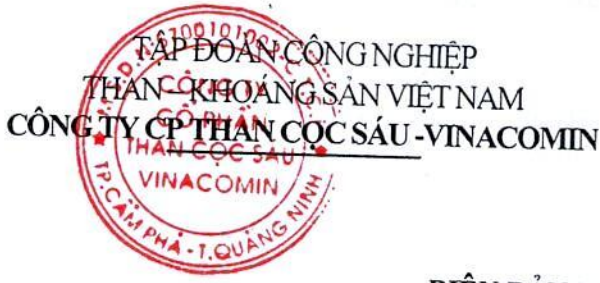
Thành viên

Thành viên

Phạm Việt Thắng .

Nguyễn Thanh Hải

Thái Đình Hiếu



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Cẩm Phả, ngày 29 tháng 12 năm 2023

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
BẦU CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Công ty cổ phần Than Đèo Nai- Cọc Sáu- TKV
(Nhiệm kỳ 05 năm kể từ ngày Công ty chính thức được hoạt động)

Hôm nay, vào hồi 10 giờ 25 phút, ngày 29 tháng 12 năm 2023

Địa điểm tại: Hội trường Tầng 2 – Nhà SHCN Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinnacomin

Tổ Kiểm phiếu và bầu cử chúng tôi gồm những người có tên sau đây:

- 1) Ông Phạm Việt Thắng Trưởng ban
- 2) Bà Nguyễn Thanh Hải Thành viên
- 3) Ông Thái Đình Hiếu Thành viên

Đã tiến hành kiểm phiếu bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Than Đèo Nai- Cọc Sáu- TKV theo đúng chức trách, nhiệm vụ được giao và nhất trí lập biên bản như sau:

- Tổng số cổ đông tham gia Đại hội là 25 cổ đông, có 21.604.934 cổ phần, sở hữu và đại diện cho 66,48% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
- Tổng số cổ đông tham gia bầu cử là 25 cổ đông, có 21.604.934 cổ phần, sở hữu và đại diện cho 66,48% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
- Số phiếu phát ra là: 25 phiếu, tương ứng 21.604.934 phiếu bầu;
- Số phiếu thu về: 25 phiếu, tương ứng 21.604.934 phiếu bầu;
- Số phiếu không hợp lệ là: 0 phiếu, tương ứng: 0 phiếu bầu;
- Số phiếu hợp lệ là: 25 phiếu, tương ứng với 21.604.934 phiếu bầu;

Kết quả số phiếu bầu và tỷ lệ phiếu bầu (tính trên tổng số phiếu bầu hợp lệ của các cổ đông tham gia bầu cử) của từng ứng cử viên như sau:

- 1) Ông Nguyễn Trọng Tốt, được 21.604.934 phiếu bầu;
- 2) Ông Đặng Thanh Bình, được 0 phiếu bầu;
- 3) Ông Nguyễn Văn Thuận, được 0 phiếu bầu;
- 4) Ông Vũ Trọng Hùng, được 0 phiếu bầu;
- 5) Ông Nguyễn Tấn Long, được 0 phiếu bầu;

Việc kiểm phiếu được tiến hành từ 10 giờ 25 phút, đến 10 giờ 30 phút cùng ngày.

Biên bản này được lập thành 02 bản, đã được các thành viên Tổ Kiểm phiếu và bầu cử nhất trí ký tên xác nhận và bàn giao biên bản cùng toàn bộ phiếu bầu cho Chủ tọa Đại hội.

(Các thành viên Tổ kiểm phiếu và bầu cử ký, ghi rõ họ tên)

Tổ trưởng

Thành viên

Thành viên

Phạm Việt Thắng

Nguyễn Thanh Hải

Thái Đình Hiếu



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Cẩm Phả, ngày 29 tháng 12 năm 2023

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
BẦU TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT
Công ty cổ phần Than Đèo Nai-Cọc Sáu-TKV
(Nhiệm kỳ 05 năm kể từ ngày Công ty chính thức được hoạt động)**

Hôm nay, vào hồi 10 giờ 25 phút, ngày 29 tháng 12 năm 2023.

Địa điểm tại: Hội trường Tầng 2 – Nhà SHCN Công ty cổ phần Than Cọc Sáu – Vinacomin.

Tổ Kiểm phiếu và bầu cử chúng tôi gồm những người có tên sau đây:

- | | |
|------------------------|------------|
| 1) Ông Phạm Việt Thắng | Trưởng ban |
| 2) Bà Nguyễn Thanh Hải | Thành viên |
| 3) Ông Thái Đình Hiếu | Thành viên |

Đã tiến hành kiểm phiếu bầu Trưởng Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Than Đèo Nai-Cọc Sáu-TKV theo đúng chức trách, nhiệm vụ được giao và nhất trí lập biên bản như sau:

- Tổng số cổ đông tham gia Đại hội là 25 cổ đông, có 21.604.934 cổ phần, sở hữu và đại diện cho 66,48 % số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
- Tổng số cổ đông tham gia bầu cử là 25 cổ đông, có 21.604.934 cổ phần, sở hữu và đại diện cho 66,48% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
- Số phiếu phát ra là: 25 phiếu, tương ứng 21.604.934 phiếu bầu;
- Số phiếu thu về: 25 phiếu, tương ứng 21.604.934 phiếu bầu;
- Số phiếu không hợp lệ là: 0 phiếu, tương ứng: 0 phiếu bầu;
- Số phiếu hợp lệ là: 25 phiếu, tương ứng với 21.604.934 phiếu bầu;

Kết quả số phiếu bầu và tỷ lệ phiếu bầu (tính trên tổng số phiếu bầu hợp lệ của các cổ đông tham gia bầu cử) của từng ứng cử viên như sau:

- 1) Bà: Nguyễn Thị Lương Anh, được 21.604.934 phiếu bầu;

Việc kiểm phiếu được tiến hành từ 10 giờ 25 phút đến 10 giờ 30 phút cùng ngày.

Biên bản này được lập thành 02 bản, đã được các thành viên Tổ Kiểm phiếu và bầu cử nhất trí ký tên xác nhận và bàn giao biên bản cùng toàn bộ phiếu bầu cho Chủ toạ Đại hội.

(Các thành viên Tổ Kiểm phiếu và bầu cử ký, ghi rõ họ tên)

Tổ trưởng

Thành viên

Thành viên

Phạm Việt Thắng

Nguyễn Thanh Hải

Thái Đình Hiếu



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Cẩm Phả, ngày 29 tháng 12 năm 2023

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BẦU GIÁM ĐỐC
Công ty cổ phần Than Đèo Nai-Cọc Sáu- TKV
(Nhiệm kỳ 05 năm kể từ ngày Công ty chính thức được hoạt động)

Hôm nay, vào hồi 10 giờ 30 phút, ngày 29 tháng 12 năm 2023

Địa điểm tại: Hội trường Tầng 2 – Nhà SHCN Công ty cổ phần Than Cọc Sáu – Vimmacomin.

Tổ Kiểm phiếu và bầu cử chúng tôi gồm những người có tên sau đây:

- 1) Ông Phạm Việt Thắng Trưởng ban
- 2) Bà Nguyễn Thanh Hải Thành viên
- 3) Ông Thái Đình Hiếu Thành viên

Đã tiến hành kiểm phiếu bầu Giám đốc của Công ty cổ phần Than Đèo Nai- Cọc Sáu- TKV theo đúng chức trách, nhiệm vụ được giao và nhất trí lập biên bản như sau:

- Tổng số cổ đông tham gia Đại hội là 25 cổ đông, có 21.604.934 cổ phần, sở hữu và đại diện cho 66,48% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
- Tổng số cổ đông tham gia bầu cử là 25 cổ đông, có 21.604.934 cổ phần, sở hữu và đại diện cho 66,48% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
- Số phiếu phát ra là: 25 phiếu, tương ứng 21.604.934 phiếu bầu;
- Số phiếu thu về: 25 phiếu, tương ứng 21.604.934 phiếu bầu;
- Số phiếu không hợp lệ là: 0 phiếu, tương ứng: 0 phiếu bầu;
- Số phiếu hợp lệ là: 25 phiếu, tương ứng với 21.604.934 phiếu bầu;

Kết quả số phiếu bầu và tỷ lệ phiếu bầu (tính trên tổng số phiếu bầu hợp lệ của các cổ đông tham gia bầu cử) của từng ứng cử viên như sau:

- 1) Ông Đặng Thanh Bình, được 21.604.934 phiếu bầu;
- 2) Ông Nguyễn Văn Thuận, được 0 phiếu bầu;
- 3) Ông Vũ Trọng Hùng, được 0 phiếu bầu;
- 4) Ông Nguyễn Tấn Long, được 0 phiếu bầu;

Việc kiểm phiếu được tiến hành từ 10 giờ 30 phút đến 10 giờ 35 phút cùng ngày.

Biên bản này được lập thành 02 bản, đã được các thành viên Tổ Kiểm phiếu và bầu cử nhất trí ký tên xác nhận và bàn giao biên bản cùng toàn bộ phiếu bầu cho Chủ tọa Đại hội.

(Các thành viên Tổ Kiểm phiếu và bầu cử ký, ghi rõ họ tên)

Tổ trưởng

Thành viên

Thành viên

Phạm Việt Thắng

Nguyễn Thanh Hải

Thái Đình Hiếu

PHỤ LỤC 01
PHƯƠNG ÁN HỢP NHẤT
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CỘC SÁU – VINACOMIN
VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN THAN ĐÈO NAI – VINACOMIN

A. PHƯƠNG ÁN HỢP NHẤT DOANH NGHIỆP

I. Thông tin về các công ty tham gia hợp nhất:

1. Thông tin chung của TC6 và TDN

- Tên Công ty bị hợp nhất: **CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CỘC SÁU – VINACOMIN**
 - Địa chỉ trụ sở chính: Phường Cẩm Phú, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700101002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 02/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 05/12/2019.
 - Vốn điều lệ: 324.961.050.000 đồng (*Ba trăm hai mươi bốn tỷ chín trăm sáu mươi một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*).
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 32.496.105 cổ phiếu.
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.
- Tên công ty bị hợp nhất: **CÔNG TY CỔ PHẦN THAN ĐÈO NAI – VINACOMIN**
 - Địa chỉ trụ sở chính: Số 42, phố Kim Đồng, Phường Cẩm Tây, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700101299 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 01/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 22/12/2021.
 - Vốn điều lệ: 294.390.970.000 đồng (*Hai trăm chín mươi bốn tỷ ba trăm chín mươi triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng*).
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 29.439.097 cổ phiếu.
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.

2. Chỉ tiêu và hoạt động kinh doanh của TC6 và TDN 3 năm gần nhất

Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của TC6

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	30/09/2023
1. Tổng giá trị tài sản	1.708.220	1.795.088	1.420.072	1.395.331
2. Doanh thu thuần	3.124.086	2.675.815	3.237.001	1.514.680
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	6.142	48.868	(7.614)	(7.773)

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	30/09/2023
4. Lợi nhuận khác	1.071	663	9.784	10.893
5. Lợi nhuận trước thuế	7.213	49.531	2.170	3.120
6. Lợi nhuận sau thuế	7.213	38.085	1.574	2.496
7. Tỷ lệ trả cổ tức	2%	4,5%	0%	-

Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của TDN

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	9T/2023
1. Tổng giá trị tài sản	1.383.436	1.329.875	1.469.478	1.521.016
2. Doanh thu thuần	3.014.960	3.214.243	3.792.755	2.951.296
3. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	53.965	42.785	57.953	35.633
4. Lợi nhuận khác	2.640	6.077	4.218	1.069
5. Lợi nhuận trước thuế	56.606	48.862	62.172	36.702
6. Lợi nhuận sau thuế	44.870	39.067	49.566	29.249
7. Tỷ lệ trả cổ tức	8%	14%	8%	NA

II. Thông tin về Công ty sau hợp nhất

1. Thông tin chung về công ty sau hợp nhất

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN THAN ĐÈO NAI - CỌC SÁU - TKV
- Tên viết tắt: THAN ĐÈO NAI - CỌC SÁU
- Tên tiếng Anh: DEO NAI - COC SAU - TKV COAL JOINT STOCK COMPANY
- Trụ sở chính: Số 42, phố Kim Đồng, phường Cẩm Tây, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

2. Ngành nghề, phạm vi hoạt động kinh doanh của công ty hợp nhất:

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV là: Khai thác than theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Danh sách ngành nghề kinh doanh của Công ty hợp nhất:

STT	Mã ngành kinh doanh	Ngành nghề kinh doanh của Công ty Hợp nhất (dự kiến)	Ngành nghề kinh doanh của TDN	Ngành nghề kinh doanh của TC6
1	0510	Khai thác và thu gom than cứng	Khai thác và thu gom than cứng	Khai thác và thu gom than cứng
2	0520	Khai thác và thu gom than non	Khai thác và thu gom than non	Khai thác và thu gom than non
3	0710	Khai thác quặng sắt	Khai thác quặng sắt	Khai thác quặng sắt
4	0722	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	
5	0810	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
6	0892	Khai thác và thu gom than bùn		Khai thác và thu gom than bùn
7	0990	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác		Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác
8	0321	Nuôi trồng thủy sản biển	Nuôi trồng thủy sản biển	Nuôi trồng thủy sản biển
9	1104	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng		Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng
10	2211	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su
11	2219	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su		Sản xuất sản phẩm khác từ cao su
12	2392	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	
13	2511	Sản xuất các cấu kiện kim loại		Sản xuất các cấu kiện kim loại

STT	Mã ngành kinh doanh	Ngành nghề kinh doanh của Công ty Hợp nhất (dự kiến)	Ngành nghề kinh doanh của TDN	Ngành nghề kinh doanh của TC6
14	2591	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại		Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại
15	2592	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	
16	2824	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng		Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng
17	3311	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn		
18	3312	Sửa chữa máy móc, thiết bị	Sửa chữa máy móc, thiết bị	Sửa chữa máy móc, thiết bị
19	3313	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học		Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học
20	3314	Sửa chữa thiết bị điện		Sửa chữa thiết bị điện
21	3315	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)		Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)
22	3319	Sửa chữa thiết bị khác		Sửa chữa thiết bị khác
23	3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.		Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.
24	3512	Truyền tải và phân phối điện		Truyền tải và phân phối điện
25	3600	Khai thác, xử lý và cung cấp nước		Khai thác, xử lý và cung cấp nước

STT	Mã ngành kinh doanh	Ngành nghề kinh doanh của Công ty Hợp nhất (dự kiến)	Ngành nghề kinh doanh của TDN	Ngành nghề kinh doanh của TC6
26	3700	Thoát nước và xử lý nước thải		Thoát nước và xử lý nước thải
27	4101	Xây dựng nhà để ở		Xây dựng nhà để ở
28	4102	Xây dựng nhà không để ở		Xây dựng nhà không để ở
29	4211	Xây dựng công trình đường sắt	Xây dựng công trình đường sắt	
30	4212	Xây dựng công trình đường bộ	Xây dựng công trình đường bộ	
31	4291	Xây dựng công trình thủy		
32	4292	Xây dựng công trình khai khoáng		
33	4293	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo.		
34	4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	
35	4311	Phá dỡ		Phá dỡ
36	4312	Chuẩn bị mặt bằng	Chuẩn bị mặt bằng	Chuẩn bị mặt bằng
37	4321	Lắp đặt hệ thống điện		Lắp đặt hệ thống điện
38	4520	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
39	4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
40	4912	Vận tải hàng hóa đường sắt	Vận tải hàng hóa đường sắt	Vận tải hàng hóa đường sắt

STT	Mã ngành kinh doanh	Ngành nghề kinh doanh của Công ty Hợp nhất (dự kiến)	Ngành nghề kinh doanh của TDN	Ngành nghề kinh doanh của TC6
41	4931	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)		Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
42	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
43	5022	Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa	Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa	Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa
44	5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa		Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
45	5222	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy - Quản lý khai thác cảng và bến thủy nội địa.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy - Quản lý khai thác cảng và bến thủy nội địa.	
46	5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
47	5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống, phục vụ lưu động	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống, phục vụ lưu động	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống, phục vụ lưu động
48	5621	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng		Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng
49	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê điều hành,		

STT	Mã ngành kinh doanh	Ngành nghề kinh doanh của Công ty Hợp nhất (dự kiến)	Ngành nghề kinh doanh của TDN	Ngành nghề kinh doanh của TC6
		quản lý nhà và đất không để ở.		
50	7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển.		

3. Vốn điều lệ

- Vốn điều lệ của Công ty Hợp nhất là: 619.352.020.000 đồng (Sáu trăm mười chín tỷ, ba trăm năm mươi hai triệu, không trăm hai mươi nghìn đồng)
- Số cổ phần phát hành: 61.935.202 cổ phần
- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông
- Mệnh giá mỗi cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.

4. Cơ cấu nguồn vốn và tài sản sau hợp nhất

Giả thiết Ngày Hợp nhất là ngày 30/09/2023, ta sẽ tính toán được các chỉ tiêu của Công ty hợp nhất dựa trên số liệu Quyết toán báo cáo tài chính Quý III/2023 của TC6 và TDN như sau:

TT	Chỉ tiêu	TC6	TDN	Công ty Hợp nhất
1	Vốn điều lệ trước hợp nhất (triệu đồng)	324.961	294.391	619.352
2	Số cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	32.496.105	29.439.097	61.935.202
3	Tổng tài sản (triệu đồng)	1.395.331	1.521.016	2.916.347

5. Thông tin về các mối liên hệ giữa các tổ chức bị hợp nhất

(i) Quan hệ sở hữu chéo:

Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam là công ty mẹ của CTCP Than Cọc Sáu và CTCP Than Đèo Nai:

Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam sở hữu tại	Số lượng cổ phần sở hữu (cp)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Công ty Than Cọc Sáu	21.130.131	65,02%
Công ty Than Đèo Nai	19.135.414	65,00%

(ii) Quan hệ với người có liên quan khác:

TC6 và TDN là công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

(iii) Quan hệ kinh doanh và các quan hệ khác với bên thứ ba:

TC6 và TDN tiến hành khai thác, quản lý và giao sản phẩm cho Tập đoàn trên cơ sở hợp đồng khai thác, sàng tuyển, chế biến than. Việc ký kết hợp đồng cung cấp than với các khách hàng sẽ do Tập đoàn trực tiếp đứng ra ký kết, Công ty có trách nhiệm thực hiện các hợp đồng đó theo sự chỉ định của Tập đoàn.

6. Phương án hoạt động kinh doanh sau hợp nhất:

Kế hoạch sản xuất kinh doanh sau hợp nhất (dự kiến):

TT	Chỉ tiêu	Năm 2024
1	Doanh thu (triệu đồng)	5.824.582
2	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	67.766
3	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/doanh thu (%)	1,16%
4	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE) (%)	9,47%
5	Tỷ lệ cổ tức (tính trên mệnh giá) (%)	6%

7. Phương án sử dụng lao động:

Vào Ngày Hợp Nhất, toàn bộ người lao động của TC6 và TDN sẽ trở thành người lao động của Công ty Hợp nhất. Công ty Hợp nhất có nghĩa vụ thừa nhận, tôn trọng và cam kết tiếp tục kế thừa các hợp đồng lao động của người lao động của TC6 và TDN. Đồng thời, Công ty Hợp nhất sẽ đảm bảo chế độ làm việc, thu nhập và phúc lợi cho người lao động tối thiểu đạt mức hiện tại.

III. Thông tin về việc hợp nhất

1. Mục đích hợp nhất:

Việc hợp nhất Công ty cổ phần Than Cọc Sáu – Vinacomin (“**TC6**”) và Công ty cổ phần Than Đèo Nai – Vinacomin (“**TDN**”) được thực hiện theo Quyết định số 1263/QĐ-TTg ngày 27/10/2023 về việc Phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2025.

Việc hợp nhất TC6 và TDN nhằm mục đích nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh, giải quyết những khó khăn về khai thác, biên giới, trữ lượng, đồ thải, sắp xếp mô hình tổ chức tinh gọn, bố trí lao động hợp lý. Việc hợp nhất không chỉ giảm được các đầu mối mà còn giúp Công ty nâng trữ lượng tài nguyên, tiết kiệm tối đa quản lý nhân lực và giúp giảm các chi phí quản lý, thuế tài nguyên, phục vụ phụ trợ... nhờ đó nâng cao hiệu quả trong hoạt động.

2. Hình thức hợp nhất:

- Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin, Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin sẽ hợp nhất thành một pháp nhân mới là Công Ty Hợp Nhất thông qua hoán đổi cổ phiếu TC6 và cổ phiếu TDN lấy cổ phiếu của Công Ty Hợp Nhất theo Hợp đồng hợp nhất. Vào

Ngày Hợp Nhất, Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin chấm dứt tồn tại, chuyển toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp, các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ khác cho Công Ty Hợp Nhất.

- Tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu để thực hiện hợp nhất sẽ được tính toán dựa trên kết quả định giá của các Công ty bị hợp nhất thực hiện bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY, vốn điều lệ của các Công ty bị hợp nhất và vốn điều lệ của Công ty Hợp nhất.

3. Chi phí hợp nhất

Các chi phí hợp nhất bao gồm các chi phí phát sinh để thực hiện toàn bộ quá trình hợp nhất từ khi các bên ký kết hợp đồng hợp nhất cho đến khi Công ty hợp nhất nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới và có đầy đủ quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản của các Công ty bị hợp nhất, bao gồm nhưng không hạn chế ở các chi phí sau: chi phí thực hiện hồ sơ giấy tờ, xin chấp thuận; chi phí đăng ký, chuyển giao quyền sở hữu... Mỗi bên tự chịu các chi phí và phí tổn phát sinh cho bên đó liên quan đến hợp đồng và giao dịch hợp nhất, cho dù giao dịch hợp nhất có hoàn thành hay không.

4. Phương pháp kế toán hợp nhất

Giá trị tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu của CTCP Than Cọc Sáu - Vinacomin, CTCP Than Đèo Nai - Vinacomin sẽ được chuyển giao cho Công ty hợp nhất bằng cách hợp cộng sổ kế toán, với các nguyên tắc cơ bản sau:

Vốn chủ sở hữu của Công ty Hợp nhất sẽ bằng tổng Giá trị tài sản thuần của 2 Công ty tại ngày *Ngày Hợp nhất (là ngày Công ty hợp nhất nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)*. Giá trị tài sản thuần này là chênh lệch giữa Tổng tài sản và Tổng nợ phải trả tại *Ngày Hợp nhất*. Như vậy:

- Vốn điều lệ của công ty Hợp nhất sẽ bằng tổng vốn điều lệ của 2 Công ty tham gia hợp nhất;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của công ty Hợp nhất được xác định bằng tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của TC6 và TDN;
- Các nguồn quỹ của công ty Hợp nhất được xác định bằng tổng các nguồn quỹ của 2 công ty tham gia hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả của Công ty hợp nhất được xác định bằng tổng tài sản và nợ phải trả của CTCP Than Cọc Sáu và CTCP Than Đèo Nai tại *Ngày Hợp nhất*.

5. Các phương pháp xác định giá trị cổ phần; Tỷ lệ và nguyên tắc hoán đổi:

a. Các phương pháp xác định giá trị cổ phần:

Có 3 phương pháp xác định giá trị cổ phần cho TDN và TC6, cụ thể như sau:

- Phương pháp tài sản: Phương pháp tài sản phản ánh chính xác giá trị các tài sản hiện hữu và các tiềm năng của doanh nghiệp tại thời điểm thẩm định nhưng lại đánh giá tài sản ở trạng thái tĩnh.
- Phương pháp tỷ số bình quân: Giá trị doanh nghiệp xác định thông qua so sánh với giá của 3 công ty đã niêm yết trên sàn chứng khoán hoặc đăng ký giao dịch. Các chỉ số tài chính của các đơn vị này chưa có tính chất tương đồng và chưa phù hợp về quy mô nhưng phản ánh được góc nhìn về giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Phương pháp giá giao dịch: Phương pháp này phản ánh được giá trị trên thị trường của Cổ phiếu. Giá trị giao dịch từ khi niêm yết đến thời điểm thẩm định giá có sự biến động, được nhà đầu tư chấp nhận và có giao dịch khớp lệnh. Tuy nhiên, khối lượng

giao dịch của cổ phiếu TC6 là nhỏ so với tổng khối lượng cổ phiếu niêm yết, mức độ giao dịch trên thị trường cũng không thường xuyên.

Do đó, Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY đã lựa chọn phương pháp tài sản để tính toán giá trị cổ phần làm cơ sở tính toán tỷ lệ hoán đổi thực hiện hợp nhất 2 Công ty.

b. Giá trị cổ phần

⚡ Giá trị cổ phần Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin

Căn cứ vào Chứng thư thẩm định giá Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin số 1068/2023/UHY- BCTĐG ngày 07/12/2023 và Báo cáo Tư vấn giá số 1068/2023/UHY-BCTV ngày 07/12/2023 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY tại thời điểm 30/06/2023:

Giá trị phần vốn chủ sở hữu của TC6 tại thời điểm 30/06/2023 (1)	1.422.626.840.377 đồng
Tổng số cổ phần của CTCP Than Cọc Sáu - Vinacomin (2)	32.496.105 cổ phần
Giá trị 1 cổ phần là: (3) = (1)/(2)	43.778 đồng/cổ phần

⚡ Giá trị cổ phần Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin

Căn cứ vào Chứng thư thẩm định giá Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin số 1067/2023/UHY-BCTĐG ngày 07/12/2023 và Báo cáo tư vấn giá số 1067/2023/UHY-BCTV ngày 07/12/2023 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY tại thời điểm 30/06/2023:

Giá trị phần vốn chủ sở hữu của TDN tại thời điểm 30/06/2023 (1)	1.332.537.554.120 đồng
Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế tích lũy đến thời điểm 30/06/2023 (2)	(26.473.017.011) đồng
Giá trị phần vốn chủ sở hữu của Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin dự kiến sau khi thực hiện phân phối lợi nhuận đến thời điểm 30/06/2023 là: (3)=(1)-(2)	1.306.064.537.109 đồng
Tổng số cổ phần của CTCP Than Đèo Nai - Vinacomin (4)	29.439.097 cổ phần
Giá trị 1 cổ phần là: (5) = (1)/(4)	45.264 đồng/cổ phần
Giá trị 1 cổ phần (dự kiến sau khi thực hiện phân phối lợi nhuận) là: (6)=(3)/(4)	44.365 đồng/cổ phần

c. Tỷ lệ hoán đổi

Căn cứ theo kết quả Báo cáo kết quả chứng thư thẩm định giá CTCP Than Cọc Sáu và CTCP Than Đèo Nai, Báo cáo tư vấn giá do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY thực hiện, tỷ lệ hoán đổi của các cổ đông Công ty bị Hợp nhất được tính toán như sau:

TT	Chỉ tiêu	TC6	TDN	Công ty Hợp nhất
1	Vốn điều lệ trước hợp nhất (30/06/2023)	324.961.050.000	294.390.970.000	
2	Số cổ phiếu đang lưu hành (30/06/2023)	32.496.105	29.439.097	

TT	Chỉ tiêu	TC6	TDN	Công ty Hợp nhất
3	Vốn điều lệ sau hợp nhất trên sổ sách kế toán			619.352.020.000
Tỷ lệ hoán đổi khi TDN chưa thực hiện phân phối lợi nhuận				
4	Vốn chủ sở hữu (đã được đánh giá lại) (30/06/2023)	1.422.626.840.377	1.332.537.554.120	
5	Giá trị 1 cổ phần đã được đánh giá lại (30/06/2023)	43.778	45.264	
6	Trọng số về tương quan tỷ lệ giá trị vốn chủ sở hữu được đánh giá lại giữa 2 công ty	51,63%	48,37%	
7	Số vốn cổ phần công ty hợp nhất mà các cổ đông công ty bị hợp nhất sẽ nhận được	319.771.447.926	299.580.572.074	
8	Tỷ lệ hoán đổi cổ phần ((8)=(7)/(1))	0,9840	1,0176	
9	Tỷ lệ hoán đổi cổ phần (làm tròn số)	1	1	
Tỷ lệ hoán đổi khi TDN thực hiện phân phối lợi nhuận				
10	Vốn chủ sở hữu (đã được đánh giá lại) (30/06/2023)	1.422.626.840.377	1.306.064.537.109	
11	Giá trị 1 cổ phần đã được đánh giá lại (30/06/2023)	43.778	44.365	
12	Trọng số về tương quan tỷ lệ giá trị vốn chủ sở hữu được đánh giá lại giữa 2 công ty	52,14%	47,86%	
13	Số vốn cổ phần công ty hợp nhất mà các cổ đông công ty bị hợp nhất sẽ nhận được	322.930.143.228	296.421.876.772	
14	Tỷ lệ hoán đổi cổ phần ((14)=(13)/(1))	0,9938	1,0069	
15	Tỷ lệ hoán đổi cổ phần (làm tròn số)	1	1	

Kết luận: Như vậy, tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu được xác định là 1:1. Có nghĩa là:

- 01 cổ phiếu TC6 sẽ được hoán đổi lấy 01 cổ phiếu Công ty Hợp nhất.
- 01 cổ phiếu TDN sẽ được hoán đổi lấy 01 cổ phiếu Công ty Hợp nhất.

6. Thời hạn, thủ tục và điều kiện chuyển đổi tài sản

Toàn bộ tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp của các Bên được coi là đã chuyển giao cho Công Ty Hợp Nhất vào Ngày Hợp Nhất tính theo giá trị sổ sách tại Ngày Hợp Nhất.

- a. Vào Ngày Hợp Nhất, Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin sẽ lập Hội đồng bàn giao tài sản gồm Người đại diện theo pháp luật, các thành viên HĐQT, đại diện Ban kiểm soát của từng Công ty (nếu có). Hội đồng bàn giao tài sản có trách nhiệm bảo quản, thống kê, ký Biên bản bàn giao với Hội đồng tiếp nhận tài sản của Công Ty Hợp Nhất. Hội đồng tiếp nhận tài sản gồm Người đại diện theo pháp luật, các thành viên HĐQT của Công Ty Hợp Nhất.
- b. Vào Ngày Hợp Nhất, toàn bộ hồ sơ, tài liệu liên quan đến quá trình tổ chức và hoạt động của các Công ty bị hợp nhất phải được chuyển giao cho Công Ty Hợp Nhất. Các Bên đồng thời thực hiện việc khóa sổ kế toán, kiểm kê tài sản, lập Báo cáo tài chính và bàn giao toàn bộ tài liệu kế toán cho Công Ty Hợp Nhất trên cơ sở Biên bản bàn giao.
- c. Việc chuyển giao tài sản và nghĩa vụ nợ phải được ghi nhận tại Biên bản bàn giao, xác nhận tình trạng Tài sản/Nghĩa vụ nợ theo từng danh mục Tài sản/Nghĩa vụ nợ. Hội đồng bàn giao tài sản của mỗi Bên liên đới chịu trách nhiệm trong trường hợp kê khai không đúng, không đầy đủ tình trạng tài sản, công nợ của mỗi Công ty trong Biên bản bàn giao.
- d. Tất cả các khoản tiền và khoản nợ (thuộc bất kỳ loại nào và bằng bất kỳ loại tiền tệ nào) đến hạn, còn nợ, phát sinh hoặc phải trả cho bên thứ ba nào của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin, Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin tồn tại trước Ngày Hợp Nhất và đã được liệt kê tại Báo cáo kiểm toán và Bảng tổng hợp các thay đổi phát sinh sẽ được chuyển giao cho và trở thành nghĩa vụ của Công Ty Hợp Nhất. Công Ty Hợp Nhất có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ đối với bên thứ ba đó.
- e. Đối với các tài sản phải đăng ký theo quy định của pháp luật (nếu có), Công Ty Hợp Nhất sẽ thực hiện các thủ tục cần thiết để nhận chuyển quyền sở hữu từ các Công ty bị hợp nhất sang Công Ty Hợp Nhất trong vòng 06 (sáu) tháng kể từ Ngày Hợp Nhất trên cơ sở phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.
- f. Vào Ngày Hợp Nhất, Công Ty Hợp Nhất căn cứ vào Biên bản bàn giao mở sổ kế toán, tổng hợp Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin, Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin thành Báo cáo tài chính của Công Ty Hợp Nhất.
- g. Kể từ Ngày Hợp Nhất, Công Ty Hợp Nhất sẽ kế thừa tất cả các quyền và nghĩa vụ Các Bên theo các hợp đồng còn hiệu lực giữa Bên A, Bên B với bên thứ ba trước Ngày Hợp Nhất, và sẽ bị ràng buộc bởi các hợp đồng đó.
- h. Công Ty Hợp Nhất sẽ không có nghĩa vụ thanh toán bất cứ khoản tiền nào hoặc tài sản nào khác cho bất cứ tổ chức/cá nhân nào liên quan đến cổ phần của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin, Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin.
- i. Trong thời gian kể từ ngày ký Hợp đồng hợp nhất cho đến Ngày Hợp Nhất, hai Công ty vẫn hoạt động kinh doanh bình thường, vẫn thực hiện các nghĩa vụ về tài sản hoặc các

nghĩa vụ khác theo hợp đồng đã ký kết, hoặc ký các hợp đồng cần thiết khác phục vụ hoạt động kinh doanh thường ngày, cũng như ban hành các quyết định nội bộ khác để điều hành các công việc thường ngày, tuy nhiên phải tuân thủ các cam kết và hạn chế khác mà các Công ty đã thống nhất và ghi nhận tại Hợp đồng hợp nhất.

- j. ĐHĐCĐ của Hai Công ty bị hợp nhất sẽ bầu thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Trưởng Ban Kiểm soát và bổ nhiệm Giám đốc của Công Ty Hợp Nhất. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc của Công Ty Hợp Nhất sẽ được tính từ Ngày Hợp Nhất.
- k. Kể từ ngày Ngày Ký kết Hợp đồng hợp nhất, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của hai Công ty bị hợp nhất vẫn tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ của mình, phối hợp với nhau làm tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của Mỗi Bên và sẽ chấm dứt mọi quyền và nghĩa vụ vào Ngày Hợp Nhất.
- l. Công Ty Hợp Nhất sẽ không tham gia vào hoạt động vận hành, kinh doanh và quản lý của Mỗi Bên trong thời gian kể từ ngày Ngày Ký kết Hợp đồng hợp nhất đến Ngày Hợp Nhất.

7. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn mỗi cổ phần trước và sau hợp nhất, so sánh giá thị trường với giá trị sau chuyển đổi

Stt	Chỉ tiêu	TC6	TDN	Công ty Hợp nhất
1	Lợi nhuận sau thuế (31/12/2022) (triệu đồng)	1.574	49.566	
2	Số cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	32.496.105	29.439.097	
3	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn cổ phần	0,47%	13,16%	
4	Giá đóng cửa cổ phiếu tại ngày 31/12/2022	4.200 đồng/cp	7.000 đồng/cp	
5	Giá trị sau khi chuyển đổi (đồng)	N/A	N/A	619.352.020.000

8. Lộ trình hợp nhất và trình tự, thủ tục, điều kiện, tổ chức thực hiện chuyển đổi cổ phần

a. Lộ trình hợp nhất (dự kiến)

Công việc thực hiện	Thời gian
Tổ chức ĐHĐCĐ của các bên công ty bị hợp nhất để thông qua việc hợp nhất. 2 Công ty ký Hợp đồng hợp nhất tại ngày ĐHĐCĐ thông qua Hợp đồng hợp nhất.	6 tuần (bao gồm cả thời gian chốt danh sách)
2 Công ty thực hiện công bố thông tin về nghị quyết, biên bản	Trong vòng 24h kể từ khi

Công việc thực hiện	Thời gian
ĐHĐCĐ thông qua phương án, điều lệ và hợp đồng hợp nhất	được thông qua
TC6 và TDN thông báo và gửi cho các chủ nợ và người lao động hợp đồng hợp nhất	Trong vòng 15 ngày kể từ khi ĐHĐCĐ thông qua hợp đồng hợp nhất.
2 Công ty cùng nộp hồ sơ xin ý kiến Ủy ban cạnh tranh quốc gia về tập trung kinh tế khi thực hiện hợp nhất	4 tuần
TC6 và TDN nộp hồ sơ và xin cấp phép của UBCKNN về phương án phát hành cổ phiếu để thực hiện hợp nhất.	8 tuần
2 Công ty công bố thông báo phát hành cổ phiếu hoán đổi	Trong vòng 7 ngày kể từ ngày có giấy phép chào bán chứng khoán ra công chúng của UBCKNN
2 Công ty thực hiện chốt danh sách cổ đông để thực hiện việc hoán đổi cổ phiếu	Gửi thông báo chốt danh sách đến Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam 8 ngày làm việc trước ngày chốt danh sách.
Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu gửi UBCKNN	Trong vòng 10 ngày kể từ ngày thực hiện hoán đổi cổ phiếu.
Hủy đăng ký giao dịch, lưu ký cổ phần của Công ty bị hợp nhất	2 tuần
Hoàn thiện hồ sơ đăng ký chính thức Công ty Hợp nhất nộp lên Sở Kế Hoạch và Đầu Tư ở tại địa phương nơi có trụ sở của Công ty Hợp nhất.	2 tuần
Chuyển giao toàn bộ tài sản, nợ, quyền và nghĩa vụ từ các công ty bị hợp nhất sang công ty Hợp nhất vào Ngày Hợp nhất	2 tuần
<ul style="list-style-type: none"> - Đăng ký cấp lại các giấy phép chuyên ngành - Đăng ký công ty đại chúng đối với Công ty Hợp nhất - Đăng ký lưu ký chứng khoán của Công ty Hợp nhất - Đăng ký giao dịch đối với Công ty Hợp nhất - Đăng ký quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng các tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng. 	4 tuần – 8 tuần

b. Thời hạn, thủ tục và điều kiện chuyển đổi cổ phần

- Kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua phương án hoán đổi cổ phiếu cho đến Ngày Đăng Ký Cuối Cùng, TC6 và TDN không được phát hành thêm, phân chia, tách, gộp cổ phần.
- TC6 và TDN phải xác định ngày chốt danh sách cổ đông của mỗi bên để tiến hành việc

hoán đổi cổ phiếu thành cổ phiếu của Công ty Hợp Nhất (“Ngày Đăng Ký Cuối Cùng”).

- Kể từ Ngày Hợp Nhất: Mọi cổ phần do TC6, TDN đã phát hành và đang lưu hành trước thời điểm hoán đổi sẽ tự động bị hủy và chấm dứt tồn tại.
- Công ty Hợp nhất sẽ không thanh toán bất cứ khoản tiền nào hoặc tài sản nào khác cho bất cứ tổ chức/cá nhân nào liên quan đến cổ phần của TC6 và TDN.
- Việc chuyển giao cổ phiếu sẽ được thực hiện tại Trụ sở Công ty Hợp nhất, trong vòng 30 ngày kể từ Ngày Hợp Nhất.

c. Phương án huy động nguồn vốn, trong trường hợp tổ chức bị hợp nhất không đủ năng lực tài chính, để bảo đảm quyền lợi của các cổ đông phản đối, không đồng ý việc hợp nhất

Căn cứ Điều 132 và Điều 134 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, trong trường hợp cổ đông của TC6 và TDN không biểu quyết thông qua phương án hợp nhất thì sẽ có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần. Tuy nhiên, công ty chỉ thực hiện mua lại khi có nguồn và sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

B. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ QUYỀN LỢI, LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN

Phương án bảo vệ quyền lợi, lợi ích hợp pháp của cổ đông, chủ nợ, người lao động và các chức danh quản lý, khách hàng của TC6 và TDN: chi tiết theo dự thảo Phương án đính kèm.

C. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY BỊ HỢP NHẤT

1. Tiến hành thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính, kê khai tài sản, quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp một cách trung thực, chính xác.
2. Không thực hiện tăng vốn làm ảnh hưởng đến tỷ lệ chuyển đổi cổ phần trong thời gian kể từ khi Hợp đồng hợp nhất có hiệu lực.
3. Không mở rộng ngành nghề kinh doanh, hoặc đầu tư vào một dự án nào mà không được sự đồng ý bằng văn bản của Bên còn lại kể từ ngày Hợp đồng hợp nhất có hiệu lực.
4. Không sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, thay thế các chính sách, quy chế, quy định, quy trình quản lý, điều hành đang được áp dụng tại công ty kể từ ngày Hợp đồng hợp nhất có hiệu lực (bao gồm cả các quy định về tài chính, kế toán, kiểm toán...).
5. Phối hợp, kiểm soát việc thực hiện theo Hợp đồng hợp nhất.
6. Không ban hành bất kỳ văn bản nào gây cản trở việc hợp nhất.
7. Giải quyết các khiếu nại, tranh chấp có liên quan đến việc hợp nhất và mọi hoạt động của mỗi Bên tính đến Ngày Hợp nhất.
8. Cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về số liệu các khoản nợ, tiền phải trả, nghĩa vụ tài chính và chi phí phát sinh của mỗi Bên tính đến Ngày Hợp nhất. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của mỗi Bên liên đới chịu trách nhiệm trong trường hợp kê khai không đúng, không đầy đủ tình trạng tài sản, công nợ của mỗi Bên.

D. THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT

Sau khi được ĐHCĐ thông qua phương án hợp nhất, tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu, dự thảo Hợp đồng hợp nhất, ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT 2 công ty thực hiện ký kết hợp đồng hợp nhất, và chỉnh sửa, bổ sung hợp đồng hợp nhất (nếu cần) để đảm bảo quyền lợi cao nhất cho Công ty và các cổ đông.

E. ĐIỀU LỆ CÔNG TY HỢP NHẤT

Dự thảo Điều lệ Công ty hợp nhất tuân theo quy định của Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 về hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

F. CÁC NỘI DUNG LIÊN QUAN TỚI THUẾ VÀ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI NHÀ NƯỚC

Các công ty bị hợp nhất cần thực hiện quyết toán thuế, thực hiện hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước trước khi chấm dứt hoạt động.

G. PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ VÀ/HOẶC BỒI THƯỜNG TRONG TRƯỜNG HỢP MỘT BÊN BỊ HỢP NHẤT ĐƠN PHƯƠNG HỦY BỎ THỎA THUẬN HỢP NHẤT

Nếu một trong hai bên công ty bị hợp nhất đơn phương hủy bỏ thỏa thuận hợp nhất, bên vi phạm có trách nhiệm bồi thường cho bên kia bất kỳ khoản mất mát, thiệt hại nào do hành vi vi phạm thỏa thuận hợp nhất đã được kí kết của mình hoặc người đại diện của mình gây ra bao gồm nhưng không giới hạn tất cả các khoản chi phí, phí tổn liên quan đến việc ký kết, thực hiện và chấm dứt thỏa thuận hợp nhất.

H. ĐĂNG KÝ LƯU KÝ CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH ĐỂ HOÁN ĐỔI CỦA CÔNG TY HỢP NHẤT TẠI TỔNG CÔNG TY LƯU KÝ VÀ BÙ TRỪ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM VÀ ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN HỆ THỐNG UPCOM CỦA SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty hợp nhất có trách nhiệm đăng ký công ty đại chúng với UBCKNN sau khi đi vào hoạt động và đáp ứng các điều kiện theo quy định.

Toàn bộ số cổ phiếu phát hành để hoán đổi của Công ty hợp nhất sẽ được đăng ký lưu ký tại Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCOM của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

I. THỜI GIAN THỰC HIỆN

Thời gian thực hiện dự kiến: trong năm 2024. ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT chủ động triển khai các thủ tục để hợp nhất 2 Công ty trên cơ sở đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

J. CÁC NỘI DUNG ỦY QUYỀN CHO HĐQT

ĐHCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị triển khai các công việc liên quan đến hợp nhất công ty, bao gồm nhưng không giới hạn các công việc sau đây:

1. Hoàn thiện Phương án hợp nhất theo các nội dung mà ĐHCĐ bất thường đã thông qua, bao gồm nhưng không giới hạn ở Kết quả bầu cử thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và bổ

nhiệm Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty hợp nhất;

2. Đàm phán, bổ sung và hoàn chỉnh Hợp đồng hợp nhất cho phù hợp với tình hình thực tế và các quy định pháp luật có liên quan giữa Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin;


3. Triển khai, xây dựng và thực hiện tất cả các thủ tục, tài liệu cần thiết để phát hành cổ phiếu thực hiện hoán đổi để thực hiện hợp nhất theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;

4. Chủ động triển khai thực hiện các thủ tục nhằm đảm bảo việc hợp nhất Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai – Vinacomin được tiến hành nhanh chóng và đảm bảo các quy định của pháp luật hiện hành;

5. Tổ chức, sắp xếp bộ máy hoạt động, nhân sự của Công ty hợp nhất để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh được liên tục;

6. Phối hợp với Công ty hợp nhất thực hiện tất cả các thủ tục, tài liệu cần thiết để lưu ký và đăng ký giao dịch tập trung số cổ phiếu phát hành tại Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và trên hệ thống UpCOM của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quy định của Pháp luật.





PHỤ LỤC 02
ĐU THẢO HỢP ĐỒNG HỢP NHẤT GIỮA
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CỘC SÁU – VINACOMIN
VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN THAN ĐÈO NAI – VINACOMIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

=====

HỢP ĐỒNG HỢP NHẤT

(Số:)

giữa

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CỘC SÁU - VINACOMIN

và

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN ĐÈO NAI - VINACOMIN

Quảng Ninh, tháng ... năm 202...

Hợp đồng hợp nhất này ("**Hợp đồng**") được lập và ký kết vào ngày ... tháng ... năm 202... ("**Ngày Ký Kết**") giữa và bởi các bên tham gia hợp nhất, gồm có:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CỘC SÁU - VINACOMIN (Bên A)

- Mã cổ phiếu: TC6
- Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CỘC SÁU - VINACOMIN
- Tên giao dịch tiếng Anh: VINACOMIN – COC SAU COAL JOINT STOCK COMPANY
- Trụ sở chính: Phường Cẩm Phú, Thị xã Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh
- Điện thoại: +84-(33) 3 862 062 Fax: +84-(33) 3 863 936
- Website: <http://www.cocsau.com>
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700101002 thay đổi lần thứ 7 ngày 05/12/2019 và Giấy xác nhận nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 13/5/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp.
- Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Thuận Chức vụ: Giám đốc

Và

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN THAN ĐÈO NAI - VINACOMIN (Bên B)

- Mã Cổ phiếu: TDN
- Tên giao dịch tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THAN ĐÈO NAI - VINACOMIN
- Tên giao dịch tiếng Anh: Vinacomin – Deo Nai Coal Joint Stock Company
- Trụ sở chính: Số 42, phố Kim Đồng, Phường Cẩm Tây, Thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
- Điện thoại: +84-(33) 3864 251 Fax: +84-(33) 3863 942
- Website: <http://www.deonai.com>
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700101299 thay đổi lần thứ 4 ngày 22/12/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp
- Đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Thanh Bình Chức vụ: Giám đốc

(Bên A và Bên B sau đây được gọi chung là "**Các Bên**"/"**Hai Bên**" và được gọi riêng là "**Bên**"/"**Một Bên**"/"**Mỗi Bên**"/"**Công ty bị hợp nhất**").

Thông tin về các mối liên hệ giữa các doanh nghiệp bị hợp nhất:

- Quan hệ sở hữu chéo và quan hệ với người có liên quan của 2 Công ty bị hợp nhất: Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin đều là công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam
- Quan hệ kinh doanh và các quan hệ khác với bên thứ ba: Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin thường xuyên có quan hệ kinh doanh

với các công ty con, công ty liên doanh liên kết của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

CĂN CỨ PHÁP LÝ:

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin số ... thông qua phương án hợp nhất và hợp đồng hợp nhất ngày ...;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin số ... thông qua phương án hợp nhất và hợp đồng hợp nhất ngày ...;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin số ... thông qua hợp đồng hợp nhất ngày ...;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin số ... thông qua hợp đồng hợp nhất ngày ...;
- Quyết định số 2006/QĐ-TTg ngày 12/12/2017 về việc Phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam giai đoạn 2017 – 2020;
- Quyết định số 1263/QĐ-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam đến năm 2025.

Với mục đích tái cấu trúc lại doanh nghiệp thông qua việc hợp nhất hai Bên để nâng cao vị thế của công ty sau hợp nhất và thống nhất tập trung quản lý các khu vực khai thác; tăng trưởng về quy mô của Công Ty Hợp Nhất, lành mạnh về tài chính; xây dựng lại bộ máy quản lý tập trung, hiệu quả; tiết giảm các chi phí; đồng thời, vẫn tiếp tục kế thừa được thương hiệu, lịch sử văn hóa của 2 công ty trước đó.

Trên cơ sở kết quả thương lượng, đàm phán giữa Hai Bên, Bên A và Bên B thống nhất ký kết Hợp đồng hợp nhất này với các nội dung điều khoản và điều kiện cụ thể như sau:

ĐIỀU 1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ VÀ QUY ƯỚC VIẾT TẮT

- 1.1. **Hợp đồng** là Hợp đồng hợp nhất được ký kết giữa Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai – Vinacomin..

- 1.2. **Giao Dịch Hợp Nhất** là việc Bên A và Bên B hợp nhất thành Công Ty Hợp Nhất thông qua hoán đổi cổ phiếu của Bên A và Bên B lấy cổ phiếu của Công Ty Hợp Nhất. Sau khi việc hợp nhất được hoàn thành, Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin chấm dứt tồn tại, chuyển toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp, trách nhiệm về các nghĩa vụ, các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ tài sản khác sang Công Ty Hợp Nhất.
- 1.3. **Công Ty Hợp Nhất** là công ty được hình thành từ Giao Dịch Hợp Nhất.
- 1.4. **Công ty bị hợp nhất** là Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin.
- 1.4. **Cổ phần** là phần vốn được chia bằng nhau từ vốn điều lệ của công ty cổ phần.
- 1.5. **Cổ phiếu** là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành.
- 1.6. **Chủ nợ** là cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ.
- 1.7. **Phương án hợp nhất** là toàn bộ nội dung về các vấn đề các Bên phải thực hiện liên quan đến việc hợp nhất, đã được Đại hội đồng Cổ đông của Các Bên thông qua một cách hợp pháp. Phương án hợp nhất là một cấu phần của bộ hồ sơ đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hợp nhất.
- 1.8. **Ngày Hợp Nhất** là ngày Công Ty Hợp Nhất nhận được Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp.
- 1.9. **Ngày Đăng Ký Cuối Cùng** là ngày chốt danh sách cổ đông đồng thời của cả Bên A và Bên B để tiến hành việc hoán đổi cổ phần.
- 1.10. **Ngày Hoàn thành** là ngày mà tất cả các điều kiện tại Điều 3.5 Hợp đồng này được đáp ứng toàn bộ.
- 1.11. **ĐHĐCĐ** là Đại hội đồng cổ đông.
- 1.12. **HĐQT** là Hội đồng quản trị.
- 1.13. **BKS** là Ban kiểm soát.
- 1.14. **GCNĐKDN** là Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp.
- 1.15. **TC6** là mã Cổ phiếu Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin
- 1.16. **TDN** là mã Cổ phiếu Công ty Cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin
- 1.17. **UBCKNN** là Ủy ban chứng khoán nhà nước.

ĐIỀU 2. THÔNG TIN CÔNG TY HỢP NHẤT

- 2.1. Bên A và Bên B sẽ hợp nhất thành Công Ty Hợp Nhất bằng cách hoán đổi cổ phiếu của Bên A và Bên B lấy cổ phiếu của Công Ty Hợp Nhất. Vào Ngày Hợp Nhất, Bên A và Bên B chấm

dứt tồn tại, Công Ty Hợp Nhất được hưởng toàn bộ tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp và chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ, các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ tài sản khác của Bên A và Bên B. Thông tin về Công Ty Hợp Nhất như sau:

Thông tin dự kiến:

- Tên doanh nghiệp bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THAN ĐÈO NAI - CỘC SÁU - TKV
- Tên doanh nghiệp bằng tiếng Anh: DEO NAI - COC SAU - TKV COAL JOINT STOCK COMPANY
- Tên doanh nghiệp viết tắt: THAN ĐÈO NAI - CỘC SÁU
- Trụ sở chính: Số 42, phố Kim Đồng, phường Cẩm Tây, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
- Website:.....

2.2. Ngành nghề, phạm vi hoạt động kinh doanh của Công Ty Hợp Nhất:

STT	Mã ngành kinh doanh	Ngành nghề kinh doanh của Công ty Hợp nhất (dự kiến)	Ngành nghề kinh doanh của TDN	Ngành nghề kinh doanh của TC6
1	0510	Khai thác và thu gom than cứng	Khai thác và thu gom than cứng	Khai thác và thu gom than cứng
2	0520	Khai thác và thu gom than non	Khai thác và thu gom than non	Khai thác và thu gom than non
3	0710	Khai thác quặng sắt	Khai thác quặng sắt	Khai thác quặng sắt
4	0722	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	
5	0810	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
6	0892	Khai thác và thu gom than bùn		Khai thác và thu gom than bùn
7	0990	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác		Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác
8	0321	Nuôi trồng thủy sản biển	Nuôi trồng thủy sản biển	Nuôi trồng thủy sản biển
9	1104	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng		Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng

STT	Mã ngành kinh doanh	Ngành nghề kinh doanh của Công ty Hợp nhất (<i>dự kiến</i>)	Ngành nghề kinh doanh của TDN	Ngành nghề kinh doanh của TC6
10	2211	Sản xuất săm, lớp cao su; đắp và tái chế lớp cao su	Sản xuất săm, lớp cao su; đắp và tái chế lớp cao su	Sản xuất săm, lớp cao su; đắp và tái chế lớp cao su
11	2219	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su		Sản xuất sản phẩm khác từ cao su
12	2392	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	
13	2511	Sản xuất các cấu kiện kim loại		Sản xuất các cấu kiện kim loại
14	2591	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại		Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại
15	2592	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	
16	2824	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng		Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng
17	3311	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn		
18	3312	Sửa chữa máy móc, thiết bị	Sửa chữa máy móc, thiết bị	Sửa chữa máy móc, thiết bị
19	3313	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học		Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học
20	3314	Sửa chữa thiết bị điện		Sửa chữa thiết bị điện
21	3315	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)		Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)
22	3319	Sửa chữa thiết bị khác		Sửa chữa thiết bị khác
23	3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.		Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.
24	3512	Truyền tải và phân phối điện		Truyền tải và phân phối điện
25	3600	Khai thác, xử lý và cung cấp nước		Khai thác, xử lý và cung cấp nước

STT	Mã ngành kinh doanh	Ngành nghề kinh doanh của Công ty Hợp nhất (dự kiến)	Ngành nghề kinh doanh của TDN	Ngành nghề kinh doanh của TC6
26	3700	Thoát nước và xử lý nước thải		Thoát nước và xử lý nước thải
27	4101	Xây dựng nhà để ở		Xây dựng nhà để ở
28	4102	Xây dựng nhà không để ở		Xây dựng nhà không để ở
29	4211	Xây dựng công trình đường sắt	Xây dựng công trình đường sắt	
30	4212	Xây dựng công trình đường bộ	Xây dựng công trình đường bộ	
31	4291	Xây dựng công trình thủy		
32	4292	Xây dựng công trình khai khoáng		
33	4293	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo.		
34	4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	
35	4311	Phá dỡ		Phá dỡ
36	4312	Chuẩn bị mặt bằng	Chuẩn bị mặt bằng	Chuẩn bị mặt bằng
37	4321	Lắp đặt hệ thống điện		Lắp đặt hệ thống điện
38	4520	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
39	4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
40	4912	Vận tải hàng hóa đường sắt	Vận tải hàng hóa đường sắt	Vận tải hàng hóa đường sắt
41	4931	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)		Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
42	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ

STT	Mã ngành kinh doanh	Ngành nghề kinh doanh của Công ty Hợp nhất (dự kiến)	Ngành nghề kinh doanh của TDN	Ngành nghề kinh doanh của TC6
43	5022	Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa	Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa	Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa
44	5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa		Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
45	5222	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thuỷ - Quản lý khai thác cảng và bến thuỷ nội địa.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thuỷ - Quản lý khai thác cảng và bến thuỷ nội địa.	
46	5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
47	5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống, phục vụ lưu động	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống, phục vụ lưu động	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống, phục vụ lưu động
48	5621	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng		Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng
49	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê điều hành, quản lý nhà và đất không để ở.		
50	7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển.		

2.3. Người đại diện theo pháp luật, Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc của Công Ty Hợp Nhất do ĐHCĐ hai Công ty bị hợp nhất bầu, thông qua.

2.4. Vốn điều lệ

- Vốn điều lệ của Công Ty Hợp Nhất là: 619.352.020.000 đồng (Sáu trăm mười chín tỷ, ba trăm năm mươi hai triệu, không trăm hai mươi nghìn đồng)
- Số lượng cổ phiếu dự kiến lưu hành: 61.935.202 cổ phần
- Loại cổ phần: phổ thông

- Mệnh giá mỗi cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

2.5. Điều lệ Công Ty Hợp Nhất

Dự thảo Điều lệ Công Ty Hợp Nhất do Các Bên xây dựng và được Đại hội đồng cổ đông Các Bên thông qua. Sau Ngày Hợp Nhất, dự thảo Điều lệ này sẽ trở thành Điều lệ Công Ty Hợp Nhất.

ĐIỀU 3. HỢP NHẤT CÔNG TY

3.1. Hình thức hợp nhất

- Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin, Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin sẽ hợp nhất thành một pháp nhân mới là Công Ty Hợp Nhất thông qua hoán đổi cổ phiếu TC6 và cổ phiếu TDN lấy cổ phiếu của Công Ty Hợp Nhất theo Hợp đồng hợp nhất này. Vào Ngày Hợp Nhất, Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin chấm dứt tồn tại, chuyển toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp, các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ khác cho Công Ty Hợp Nhất.
- Tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu để thực hiện hợp nhất sẽ được tính toán dựa trên kết quả định giá của các Công ty bị hợp nhất thực hiện bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY, vốn điều lệ của các Công ty bị hợp nhất và vốn điều lệ của Công ty Hợp nhất.

3.2. Phương pháp kế toán hợp nhất

Giá trị tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin, Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin sẽ được chuyển giao cho Công Ty Hợp Nhất bằng cách hợp cộng trên sổ kế toán, với các nguyên tắc cơ bản sau:

- Vốn chủ sở hữu của Công Ty Hợp Nhất sẽ bằng tổng Giá trị tài sản thuần của hai Công ty bị hợp nhất tại ngày Ngày Hợp Nhất. Giá trị tài sản thuần này là chênh lệch giữa Tổng tài sản và Tổng nợ phải trả tại Ngày Hợp Nhất. Như vậy:
 - Vốn điều lệ của Công Ty Hợp Nhất sẽ bằng tổng vốn điều lệ của hai Công ty bị hợp nhất;
 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công Ty Hợp Nhất được xác định bằng tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Bên A và Bên B;
 - Các nguồn quỹ của Công Ty Hợp Nhất được xác định bằng tổng các nguồn quỹ của hai Công ty bị hợp nhất.
- Tài sản và nợ phải trả của Công Ty Hợp Nhất được xác định bằng cách hợp cộng tài sản và nợ phải trả của Bên A và Bên B tại Ngày Hợp Nhất.

3.3. Thời gian hợp nhất

Sau khi UBCKNN, Cơ quan đăng ký kinh doanh chấp thuận việc hợp nhất giữa Bên A và Bên B, Các Bên thực hiện các công việc cần thiết theo quy định của Hợp đồng này, các quy định khác của pháp luật để hoàn tất Giao Dịch Hợp Nhất.

3.4. Điều kiện hợp nhất

Các Bên tham gia thực hiện hợp nhất khi thỏa mãn các điều kiện sau đây:

- a. Phương án hợp nhất, Hợp đồng hợp nhất, Dự thảo Điều lệ Công Ty Hợp Nhất và phương án hoạt động kinh doanh sau hợp nhất được ĐHĐCĐ của Hai Bên thông qua và được đại diện có thẩm quyền của Hai Bên ký kết Hợp đồng hợp nhất.
- b. Các Công ty bị hợp nhất đã thông báo về giao dịch hợp nhất và gửi các tài liệu liên quan cho các chủ nợ, bao gồm nhưng không giới hạn các ngân hàng, tổ chức cung cấp tín dụng, các ngân hàng, tổ chức, cá nhân hiện đang nhận tài sản bảo đảm hay bảo lãnh hoặc các biện pháp bảo đảm khác và các trái chủ (nếu có).
- c. Các Công ty bị hợp nhất đã thông báo về Giao Dịch Hợp Nhất cho tất cả người lao động của Công ty theo quy định của pháp luật.
- d. Giao dịch Hợp nhất này không vi phạm điều cấm của Luật Cạnh Tranh về tập trung kinh tế.
- e. Tất cả các phê chuẩn, chấp thuận cần thiết từ các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước có thẩm quyền hay từ bất kỳ bên thứ ba nào đều đã đạt được quy định pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn ở Giấy Chứng Nhận Đăng ký Chào bán Cổ Phiếu hoán đổi để hợp nhất (“Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán”) do UBCKNN cấp để thực hiện việc hoán đổi cổ phiếu theo Hợp đồng hợp nhất.
- f. Các Bên đã tiến hành việc công bố thông tin cần thiết về Giao dịch Hợp nhất theo quy định của pháp luật hiện hành.

3.5. Thủ tục hợp nhất

Giao Dịch Hợp Nhất được thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản pháp luật khác có liên quan, theo đó, Các Bên cần chuẩn bị:

- a. Dự thảo Phương án hợp nhất, Hợp đồng hợp nhất và Dự thảo Điều lệ Công Ty Hợp Nhất;
- b. Tổ chức phiên họp ĐHĐCĐ để thông qua Phương án hợp nhất; Hợp đồng hợp nhất; Dự thảo Điều lệ Công Ty Hợp Nhất; dự kiến Nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của Công Ty Hợp Nhất.
- c. Nộp hồ sơ thông báo về việc hợp nhất lên Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia.
- d. Nộp hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi theo hợp đồng hợp nhất lên UBCKNN.
- e. Sau khi nhận được Giấy Chứng Nhận Đăng ký Chào bán Cổ Phiếu hoán đổi để hợp nhất do UBCKNN cấp, Hai Bên sẽ cùng nhau xác định Ngày Đăng Ký Cuối Cùng để tiến hành việc hoán đổi cổ phần.
- f. Nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp thành lập Công Ty Hợp Nhất.
- g. Hai Bên sẽ tiến hành bàn giao tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang Công Ty Hợp Nhất ngoại trừ các tài sản phải đăng ký chuyển quyền sở hữu như quy định tại Điều 5.5 của Hợp đồng này.

3.6. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công Ty Hợp Nhất

- a. ĐHĐCĐ của Hai Công ty bị hợp nhất sẽ bầu thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Trưởng Ban Kiểm soát và bổ nhiệm Giám đốc của Công Ty Hợp Nhất. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc của Công Ty Hợp Nhất sẽ được tính từ Ngày Hợp Nhất.
- b. Kể từ ngày Ngày Ký kết Hợp đồng này, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của hai Công ty bị hợp nhất vẫn tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ của mình, phối hợp với nhau làm tăng hiệu quả sản xuất của Mỗi Bên và sẽ chấm dứt mọi quyền và nghĩa vụ vào Ngày Hợp Nhất.
- c. Công Ty Hợp Nhất sẽ không tham gia vào hoạt động vận hành, kinh doanh và quản lý của Mỗi Bên trong thời gian kể từ ngày Ngày Ký kết Hợp đồng này đến Ngày Hợp Nhất

ĐIỀU 4. PHƯƠNG ÁN HOÁN ĐỔI CỔ PHẦN

4.1. Phương pháp xác định tỷ lệ hoán đổi cổ phần:

- a. **Vốn điều lệ Công Ty Hợp Nhất = Tổng vốn điều lệ của các Công ty bị hợp nhất.**
- b. Trên cơ sở giá trị phần vốn chủ sở hữu theo kết quả thẩm định giá của các Công ty bị hợp nhất (Giá trị tài sản thuần định giá), tỷ trọng tương quan của kết quả này trong tổng giá trị để tính toán số lượng cổ phần phát hành của Công Ty Hợp Nhất nhằm mục đích hoán đổi lấy cổ phần của các Công ty bị hợp nhất. Cụ thể:
 - Số lượng cổ phần của Công ty Hợp nhất phát hành để hoán đổi lấy cổ phần của Bên A = Tỷ trọng vốn chủ sở hữu định giá lại của Bên A x số lượng cổ phần của Công ty Hợp nhất
 - Số lượng cổ phần của Công ty Hợp nhất phát hành để hoán đổi lấy cổ phần của Bên B = Tỷ trọng vốn chủ sở hữu định giá lại của Bên B x số lượng cổ phần của Công ty Hợp nhất
 - Tỷ lệ hoán đổi của cổ đông Bên A, Bên B = Số lượng cổ phần của Công ty Hợp nhất phát hành để hoán đổi lấy cổ phần của Bên A, Bên B / Số cổ phần đang lưu hành của Công ty bị Hợp nhất đó
 - Số lượng cổ phần Công ty Hợp nhất mà cổ đông Bên A, Bên B được nhận = Tỷ lệ hoán đổi của cổ đông Bên A, Bên B x Số lượng cổ phần Bên A, Bên B thuộc sở hữu của cổ đông đó.

4.2. Tỷ lệ chuyển đổi dự kiến:

Công Ty Hợp Nhất sẽ phát hành cổ phiếu để hoán đổi lấy toàn bộ số cổ phiếu đang lưu hành của các Công ty bị hợp nhất theo phương thức dưới đây và đã được Đại hội đồng cổ đông các Công ty bị hợp nhất thông qua. Theo đó, tất cả các cổ đông hiện hữu của các Công ty bị hợp nhất sẽ trở thành cổ đông của Công Ty Hợp Nhất thông qua việc sở hữu cổ phiếu Công Ty Hợp Nhất phát hành theo Phương án phát hành cổ phiếu để hoán đổi, cụ thể như sau:

- Tên cổ phiếu: *Cổ phiếu Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV*
- Loại cổ phiếu: *Cổ phiếu phổ thông*

- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 61.935.202 cổ phiếu
- Tổng giá trị dự kiến phát hành theo mệnh giá: 619.352.020.000 đồng
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin, Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin theo danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện việc hoán đổi.
- Phương thức phát hành: Công Ty Hợp Nhất sẽ phát hành 61.935.202 cổ phiếu để hoán đổi lấy toàn bộ cổ phiếu của các cổ đông trong các Công ty bị hợp nhất, trong đó:
 - Tỷ lệ hoán đổi đối với cổ đông Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin là 01 cổ phần của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin sẽ được hoán đổi với 01 cổ phiếu Công Ty Hợp Nhất.
 - ✓ Tỷ lệ hoán đổi đối với cổ đông Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin là 01 cổ phiếu của Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin sẽ được hoán đổi với 01 cổ phiếu Công Ty Hợp Nhất.

Ví dụ: vào ngày chốt danh sách cổ đông của Bên A để thực hiện hoán đổi cổ phiếu, cổ đông Nguyễn Văn A hiện đang sở hữu 123 cổ phiếu Bên A. Khi đó, cổ đông A sẽ được hưởng 123 quyền, 123 quyền này sẽ được hoán đổi lấy số cổ phiếu của Công Ty Hợp Nhất tương ứng là $123 \times 1 = 123$ cổ phiếu.

- Toàn bộ số cổ phiếu phát hành để thực hiện hoán đổi không bị hạn chế chuyển nhượng.

4.3. Trình tự, thủ tục và điều kiện chuyển đổi cổ phần

- a. Kể từ ngày ĐHĐCĐ của mỗi Bên thông qua phương án hoán đổi cổ phiếu cho đến Ngày Đăng Ký Cuối Cùng, Bên A và Bên B không được phát hành thêm, phân chia, tách, gộp cổ phần.
- b. Bên A và Bên B phải xác định ngày chốt danh sách cổ đông của Mỗi Bên để tiến hành việc hoán đổi cổ phiếu thành cổ phiếu của Công Ty Hợp Nhất (“Ngày Đăng Ký Cuối Cùng”) và thông báo Ngày Đăng Ký Cuối Cùng đến các cổ đông hiện hữu của mình. Mỗi Bên có trách nhiệm bàn giao danh sách cổ đông chốt tại Ngày Đăng Ký Cuối Cùng của mình cho Công Ty Hợp Nhất.
- c. Sau Ngày Hợp Nhất, mọi cổ phiếu do Bên A, Bên B đã phát hành và đang lưu hành trước thời điểm hoán đổi sẽ tự động bị hủy niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà nội và chấm dứt tồn tại.
- d. Việc chuyển giao cổ phiếu sẽ được thực hiện tại Trụ sở Công Ty Hợp Nhất, trong vòng 30 ngày kể từ Ngày Hợp Nhất. Cổ đông của Bên A và cổ đông của Bên B sẽ được nhận Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần Công Ty Hợp Nhất. Toàn bộ Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần/Sổ cổ đông của Bên A và Bên B sẽ được tự động hủy ngay sau khi Công Ty Hợp Nhất nhận bàn giao.
- e. Công Ty Hợp Nhất có trách nhiệm thực hiện các thủ tục đăng ký, lưu ký cổ phiếu của Công Ty Hợp Nhất tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch

cổ phiếu trên hệ thống giao dịch Upcom. Công Ty Hợp Nhất sẽ đăng ký niêm yết cổ phiếu lên Sở giao dịch chứng khoán khi đáp ứng đủ các điều kiện niêm yết theo quy định của pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 5. THỜI HẠN, THỦ TỤC VÀ ĐIỀU KIỆN CHUYỂN ĐỔI TÀI SẢN

Toàn bộ tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp của các Bên được coi là đã chuyển giao cho Công Ty Hợp Nhất vào Ngày Hợp Nhất tính theo giá trị sổ sách tại Ngày Hợp Nhất.

- m. Vào Ngày Hợp Nhất, Bên A và Bên B sẽ lập Hội đồng bàn giao tài sản gồm Người đại diện theo pháp luật, các thành viên HĐQT, đại diện Ban kiểm soát của từng Bên (nếu có). Hội đồng bàn giao tài sản có trách nhiệm bảo quản, thống kê, ký Biên bản bàn giao với Hội đồng tiếp nhận tài sản của Công Ty Hợp Nhất. Hội đồng tiếp nhận tài sản gồm Người đại diện theo pháp luật, các thành viên HĐQT của Công Ty Hợp Nhất.
- n. Vào Ngày Hợp Nhất, toàn bộ hồ sơ, tài liệu liên quan đến quá trình tổ chức và hoạt động của các Công ty bị hợp nhất phải được chuyển giao cho Công Ty Hợp Nhất. Các Bên đồng thời thực hiện việc khóa sổ kế toán, kiểm kê tài sản, lập Báo cáo tài chính và bàn giao toàn bộ tài liệu kế toán cho Công Ty Hợp Nhất trên cơ sở Biên bản bàn giao.
- o. Việc chuyển giao tài sản và nghĩa vụ nợ phải được ghi nhận tại Biên bản bàn giao, xác nhận tình trạng Tài sản/Nghĩa vụ nợ theo từng danh mục Tài sản/Nghĩa vụ nợ. Hội đồng bàn giao tài sản của mỗi Bên liên đới chịu trách nhiệm trong trường hợp kê khai không đúng, không đầy đủ tình trạng tài sản, công nợ của mỗi Bên trong Biên bản bàn giao.
- p. Tất cả các khoản tiền và khoản nợ (thuộc bất kỳ loại nào và bằng bất kỳ loại tiền tệ nào) đến hạn, còn nợ, phát sinh hoặc phải trả cho bên thứ ba nào của Bên A, Bên B tồn tại trước Ngày Hợp Nhất và đã được liệt kê tại Báo cáo kiểm toán và Bảng tổng hợp các thay đổi phát sinh sẽ được chuyển giao cho và trở thành nghĩa vụ của Công Ty Hợp Nhất. Công Ty Hợp Nhất có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ đối với bên thứ ba đó.
- q. Đối với các tài sản phải đăng ký theo quy định của pháp luật (nếu có), Công Ty Hợp Nhất sẽ thực hiện các thủ tục cần thiết để nhận chuyển quyền sở hữu từ các Công ty bị hợp nhất sang Công Ty Hợp Nhất trong vòng 06 (sáu) tháng kể từ Ngày Hợp Nhất trên cơ sở phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.
- r. Vào Ngày Hợp Nhất, Công Ty Hợp Nhất căn cứ vào Biên bản bàn giao mở sổ kế toán, tổng hợp Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin, Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin thành Báo cáo tài chính của Công Ty Hợp Nhất.
- s. Kể từ Ngày Hợp Nhất, Công Ty Hợp Nhất sẽ kế thừa tất cả các quyền và nghĩa vụ Các Bên theo các hợp đồng còn hiệu lực giữa Bên A, Bên B với bên thứ ba trước Ngày Hợp Nhất, và sẽ bị ràng buộc bởi các hợp đồng đó.
- t. Công Ty Hợp Nhất sẽ không có nghĩa vụ thanh toán bất cứ khoản tiền nào hoặc tài sản nào khác cho bất cứ tổ chức/cá nhân nào liên quan đến cổ phần của Bên A, Bên B.

- u. Trong thời gian kể từ ngày ký Hợp đồng này cho đến Ngày Hợp Nhất, các Bên vẫn hoạt động kinh doanh bình thường, vẫn thực hiện các nghĩa vụ về tài sản hoặc các nghĩa vụ khác theo hợp đồng đã ký kết, hoặc ký các hợp đồng cần thiết khác phục vụ hoạt động kinh doanh thường ngày, cũng như ban hành các quyết định nội bộ khác để điều hành các công việc thường ngày, tuy nhiên phải tuân thủ các cam kết và hạn chế khác mà các Bên đã thống nhất và ghi nhận tại Hợp đồng này.

ĐIỀU 6. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

- 6.1. Trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua Hợp đồng Hợp nhất, các Công ty bị hợp nhất có trách nhiệm thông báo cho tất cả người lao động biết về việc hợp nhất giữa Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin, Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin.
- 6.2. Sau Ngày Hợp Nhất, Công Ty Hợp Nhất có trách nhiệm lập kế hoạch sử dụng và sắp xếp, giải quyết lao động trên cơ sở phù hợp với điều kiện hoạt động của Công Ty Hợp Nhất, phù hợp với trình độ, năng lực của người lao động và phù hợp với các quy định của pháp luật về lao động. Đối với người lao động không muốn làm việc tại Công Ty Hợp Nhất, Công Ty Hợp Nhất sẽ chấm dứt hợp đồng lao động với họ theo quy định pháp luật hiện hành. Đồng thời, Công Ty Hợp Nhất sẽ đảm bảo chế độ làm việc, thu nhập và phúc lợi cho người lao động tối thiểu đạt mức hiện tại của họ trước thời điểm hợp nhất.
- 6.3. Vào Ngày Hợp Nhất, toàn bộ người lao động của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin, Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin sẽ trở thành người lao động của Công Ty Hợp Nhất. Công Ty Hợp Nhất có nghĩa vụ thừa nhận, tôn trọng và cam kết tiếp tục kế thừa các hợp đồng lao động của người lao động của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin, Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin. Đồng thời, Công Ty Hợp Nhất sẽ đảm bảo chế độ làm việc, thu nhập và phúc lợi cho người lao động tối thiểu đạt mức hiện tại của họ trước thời điểm hợp nhất.

ĐIỀU 7. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ QUYỀN LỢI CỦA CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ, CHỦ NỢ

- 7.1. Đối với cổ đông không thông qua phương án hợp nhất:

Cổ đông các Công ty bị hợp nhất không thông qua phương án hợp nhất có quyền yêu cầu công ty mua lại theo quy định tại Điều 132, Điều 134 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, phù hợp với Điều lệ, quy định nội bộ của Mỗi Bên.

- 7.2. Đối với chủ nợ:

Trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày ĐHĐCĐ Các Bên thông qua Hợp đồng hợp nhất, các Công ty bị hợp nhất có trách nhiệm gửi Hợp đồng hợp nhất đến tất cả các chủ nợ (“**Các Chủ Nợ**”). Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin cần:

- Gửi văn bản thông báo cho Các Chủ Nợ về việc hợp nhất; và
- Gửi thông báo và xin chấp thuận từ Các Chủ Nợ cho việc các Công ty bị hợp nhất chuyển giao nghĩa vụ thanh toán cho Công Ty Hợp Nhất (đối với các thỏa thuận vay giữa Bên A, Bên B và

Các Chủ Nợ yêu cầu việc chuyển giao nghĩa vụ thanh toán của các Công ty bị hợp nhất phải xin ý kiến của Các Chủ Nợ đó).

Kể từ Ngày Hợp Nhất, Công Ty Hợp Nhất sẽ kế thừa nghĩa vụ và chịu trách nhiệm thanh toán đối với Các Chủ Nợ.

7.3. Đối với khách hàng:

Các Công ty bị hợp nhất cần tiến hành các công việc sau:

- a. Gửi văn bản thông báo về việc hợp nhất cho các khách hàng có hợp đồng còn hiệu lực với Mỗi Bên; và
- b. Gửi thông báo hoặc xin chấp thuận từ các khách hàng cho việc các Công ty bị hợp nhất chuyển giao quyền lợi, nghĩa vụ cho Công Ty Hợp Nhất (đối với các hợp đồng/thỏa thuận giữa Bên A và Bên B và các khách hàng yêu cầu việc chuyển giao quyền lợi, nghĩa vụ của các Công ty bị hợp nhất phải được sự đồng thuận của các khách hàng đó).
- c. Toàn bộ Khách hàng của các Công ty bị hợp nhất sẽ được chuyển giao cho Công Ty Hợp Nhất. Công Ty Hợp Nhất kế thừa về nguyên tắc tất cả các quyền và nghĩa vụ của các Công ty bị hợp nhất đối với Khách hàng.
- d. Các Công ty bị hợp nhất và Công Ty Hợp Nhất cam kết cao nhất về đảm bảo mọi điều kiện giao dịch và quyền lợi, nghĩa vụ sẽ được thực hiện như đã giao kết với khách hàng trong và sau khi tiến hành Giao Dịch Hợp Nhất.

ĐIỀU 8. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

Mỗi Bên trong Hợp đồng này có các quyền và nghĩa vụ như sau:

- 8.1. Tiến hành thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính, kê khai tài sản, quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp một cách trung thực, chính xác.
- 8.2. Không mở rộng ngành nghề kinh doanh, hoặc đầu tư vào một dự án nào mà không được sự đồng ý bằng văn bản của Bên còn lại kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực. Không thực hiện bất kỳ hoạt động nào có khả năng gây phương hại đến việc thực hiện các hợp đồng đang có hiệu lực vào thời điểm ký kết Hợp đồng này.
- 8.3. Không sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, thay thế các chính sách, quy chế, quy định, quy trình quản lý, điều hành đang được áp dụng tại công ty kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực (bao gồm cả các quy định về tài chính, kế toán, kiểm toán...).
- 8.4. Phối hợp, kiểm soát việc thực hiện theo Hợp đồng này.
- 8.5. Không ban hành bất kỳ văn bản nào gây cản trở việc Giao Dịch Hợp Nhất.
- 8.6. Cung cấp kịp thời thông tin liên quan đến Giao Dịch Hợp Nhất theo yêu cầu của Bên kia.
- 8.7. Chịu trách nhiệm toàn bộ đối với tất cả những thông tin, tài liệu, giấy tờ... cung cấp để phục vụ cho Giao Dịch Hợp Nhất.

- 8.8. Giải quyết các khiếu nại, tranh chấp có liên quan đến việc Giao Dịch Hợp Nhất và mọi hoạt động của Mỗi Bên tính đến Ngày Hợp Nhất.
- 8.9. Cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về số liệu các khoản nợ, tiền phải trả, nghĩa vụ tài chính và chi phí phát sinh của Mỗi Bên tính đến Ngày Hợp Nhất. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của Mỗi Bên liên đới chịu trách nhiệm trong trường hợp kê khai không đúng, không đầy đủ tình trạng tài sản, công nợ của Bên đó.
- 8.10. Trong thời gian kể từ Ngày Ký Kết Hợp đồng đến Ngày Hợp Nhất, Mỗi Bên phải đảm bảo các hoạt động kinh doanh được diễn ra một cách bình thường; tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành; giữ gìn hình ảnh, thương hiệu và uy tín của mình.
- 8.11. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này, Phương án hợp nhất, và theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 9. ĐIỀU LỆ

Dự thảo Điều lệ của Công Ty Hợp Nhất được ĐHĐCĐ Các Bên biểu quyết thông qua theo quy định của pháp luật. Dự thảo Điều Lệ sau khi được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua sẽ trở thành Điều lệ chính thức của Công Ty Hợp Nhất kể từ Ngày Hợp Nhất.

ĐIỀU 10. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 10.1. Các Bên cam kết hỗ trợ nhau trong việc thực hiện các nội dung của Hợp đồng này, nếu có tranh chấp Các Bên phải cùng nhau bàn bạc tìm cách giải quyết tốt nhất trên tinh thần hợp tác đôi bên cùng có lợi.
- 10.2. Trong trường hợp Các Bên thương lượng không thành trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp, tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền.

ĐIỀU 11. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

- 11.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ khi được đại diện có thẩm quyền của Các Bên ký.
- 11.2. Hợp đồng này chấm dứt trong những trường hợp sau:
 - a. Giao Dịch Hợp Nhất đã hoàn tất theo quy định tại Hợp Đồng này; hoặc
 - b. Theo thoả thuận bằng văn bản của Các Bên về việc chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn; hoặc
 - c. Theo yêu cầu của Bên A hoặc Bên B nếu các điều kiện cho Giao Dịch Hợp Nhất không đáp ứng do hành vi vi phạm nghĩa vụ, cam kết và đảm bảo của Một Bên, trừ khi Các Bên có thỏa thuận khác, trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ Ngày Ký Kết; hoặc
 - d. Một hoặc Các Bên bị giải thể, phá sản theo quy định pháp luật.
- 11.3. Trong trường hợp Hợp đồng này bị chấm dứt theo các quy định nêu trên, ngoại trừ việc Một Bên yêu cầu chấm dứt theo quy định tại Điều 11.2.(c), Mỗi Bên sẽ tự chịu tất cả các chi phí, phí tổn liên quan đến việc ký kết, thực hiện và chấm dứt Hợp đồng này.

- 11.4. Trong trường hợp Hợp đồng này bị Một Bên chấm dứt theo quy định tại Điều 11.2.(c) thì Bên vi phạm có trách nhiệm bồi thường cho Bên kia bất kỳ khoản thiệt hại nào do hành vi vi phạm Hợp đồng của mình gây ra bao gồm nhưng không giới hạn tất cả các khoản chi phí, phí tổn liên quan đến việc ký kết, thực hiện và chấm dứt Hợp đồng này.

ĐIỀU 12. CÔNG BỐ THÔNG TIN

- 12.1. Sau khi ĐHCĐ Mỗi Bên thông qua việc hợp nhất và các tài liệu hợp nhất, Mỗi Bên có nghĩa vụ tự mình công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- 12.2. Công Ty Hợp Nhất phải tiến hành thủ tục công bố thông tin liên quan đến việc hình thành pháp nhân mới đến các cơ quan Nhà nước có liên quan theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

ĐIỀU 13. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 13.1. Hợp đồng này sẽ thay thế mọi kết quả thoả thuận, đàm phán, biên bản ghi nhớ trước đây giữa các Bên liên quan đến Giao Dịch Hợp Nhất theo Hợp đồng này. Các kết quả thoả thuận, đàm phán, biên bản ghi nhớ này sẽ chấm dứt hiệu lực từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực.
- 13.2. Nếu bất kỳ điều khoản nào của Hợp Đồng này bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền tuyên bố là vô hiệu hoặc trái quy định của pháp luật hoặc không có hiệu lực thi hành vì bất kỳ lý do gì, điều khoản đó sẽ bị loại ra khỏi Hợp đồng với điều kiện là việc loại ra đó không ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoặc làm thay đổi cơ bản nội dung Hợp đồng này. Các Bên sẽ đàm phán trên tinh thần hợp tác để thoả thuận lại các điều khoản này. Các vấn đề chưa được quy định trong Hợp đồng này sẽ được Các Bên xử lý theo thoả thuận giữa Các Bên hoặc theo quy định của pháp luật.
- 13.3. Không Bên nào được chuyển giao hoặc uỷ quyền thực hiện toàn bộ hoặc một phần các quyền, lợi ích, hoặc nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng này hoặc liên quan tới Hợp đồng này mà không được đồng ý trước bằng văn bản của Bên kia. Hợp đồng này sẽ có giá trị ràng buộc và có hiệu lực đối với Các Bên trong Hợp đồng này và những bên kế thừa hoặc nhận chuyển nhượng được phép.
- 13.4. Tất cả các thông báo và liên lạc khác dưới đây phải được lập thành văn bản và sẽ được coi là đã được chuyển đến nếu được gửi với tư cách cá nhân hoặc gửi bằng dịch vụ chuyển phát thương mại, hoặc gửi qua máy fax (có chứng từ xác nhận) cho Các Bên theo các địa chỉ hoặc số fax (hoặc theo địa chỉ hoặc số fax khác cho một Bên được ghi rõ trong một thông báo bằng văn bản):

- **Gửi cho Bên A:**

Địa chỉ:

Điện thoại:

Người liên hệ:

- **Gửi cho Bên B:**

Địa chỉ:

Điện thoại:

Người liên hệ:

- 13.5. Mọi sửa đổi, bổ sung đối với Hợp đồng này phải được lập bằng văn bản; được các cấp có thẩm quyền của Các Bên thông qua và thực hiện ký kết theo quy định của pháp luật.
- 13.6. Các phụ lục đính kèm Hợp đồng này là một phần không tách rời của Hợp đồng.
- 13.7. Hợp đồng này làm thành (.....) bản gốc có giá trị pháp lý như nhau, Mỗi Bên giữ (.....) bản để thực hiện.

ĐỂ GHI NHẬN CÁC THỎA THUẬN TRONG HỢP ĐỒNG NÀY, đại diện của Các Bên ký kết một cách hợp lệ vào ngày được ghi tại trang đầu tiên của Hợp đồng này.

ĐẠI DIỆN

**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CỘC
SÁU - VINACOMIN**

GIÁM ĐỐC

ĐẠI DIỆN

**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN ĐÈO NAI -
VINACOMIN**

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN THUẬN

ĐẶNG THANH BÌNH

PHỤ LỤC 03
DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CÔNG TY SAU HỢP NHẤT

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN ĐÈO NAI - CỘC SÁU - TKV

Logo

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN
ĐÈO NAI-CỘC SÁU - TKV

Ngàytháng....năm



Cẩm Phả, ngày tháng năm 2023

**ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Công ty cổ phần Than Đèo Nai-Cộc sáu - TKV (dưới đây gọi là “Công ty”) được thành lập theo Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 trên cơ sở hợp nhất 2 Công ty: Công ty cổ phần Than Cộc Sáu – Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai – Vinacomin.

2. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được xây dựng trên cơ sở:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17/6/2020;

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26/11/2019;

- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán đã được Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 31/12/2020;

- Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng ban hành kèm theo thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

3. Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường của các công ty tham gia hợp nhất: Công ty cổ phần Than Cộc Sáu - Vinacomin thông qua vào ngày 29/12/2023; Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin thông qua ngày 28/12/2023;

4. Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động của Công ty. Các quy định của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị khi được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với luật pháp và Điều lệ này, sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành các hoạt động kinh doanh.

**CHƯƠNG I
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ**

Điều 1. Giải thích từ ngữ, thuật ngữ trong Điều lệ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) “Công ty” có nghĩa là Công ty cổ phần Than Đèo Nai-Cộc Sáu - TKV được thành lập trên cơ sở hợp nhất Công ty cổ phần Than Cộc Sáu – Vinacomin và Công ty cổ phần Than Đèo Nai – Vinacomin; là công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam;

b) “Hội đồng” có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty được viết tắt là “Hội đồng quản trị”;

c) “Địa bàn kinh doanh” có nghĩa là phạm vi địa lý thực hiện các hoạt động kinh doanh của Công ty, bao gồm trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam;

d) “Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

đ) “Vốn có quyền biểu quyết” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

e) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

f) “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

g) “Ngày thành lập” có nghĩa là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

h) “Pháp luật” có nghĩa là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

i) “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ này;

j) “Người điều hành doanh nghiệp” là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ này;

k) “Người có liên quan” là các cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp; Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán;

l) “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty

n) “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán.

o) “Cổ tức” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính;

p) “Thời hạn hoạt động” có nghĩa là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được thông qua bằng một nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

q) “Sở giao dịch chứng khoán” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

r) “Việt Nam” có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng. Trường hợp các văn bản pháp quy điều chỉnh các nội dung liên quan đến Điều lệ này bị sửa đổi, bổ sung, thay thế thì những nội dung liên quan trong Điều lệ này sẽ được thực hiện theo nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế của văn bản pháp quy đó. Đại hội đồng cổ đông lần gần nhất sau đó phải sửa lại Điều lệ cho phù hợp.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

- a) Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THAN ĐÈO NAI-CỘC SÁU - TKV
- b) Tên tiếng Anh: ĐEO NAI-COC SAU COAL JOINT STOCK COMPANY.
- c) Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN THAN ĐÈO NAI-CỘC SÁU - TKV
- d) Tên viết tắt: THAN ĐÈO NAI-CỘC SÁU

2. Công ty có biểu tượng riêng như sau:

3. Hình thức của Công ty:

Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

4. Công ty là công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam do Tập đoàn chi phối thông qua tỷ lệ nắm giữ cổ phần chi phối tại Công ty, thông qua thương hiệu của Tập đoàn hoặc thông qua các quyền chi phối khác theo quy định của pháp luật và quy chế quản lý nội bộ của Tập đoàn.

Tài nguyên, trữ lượng than do Công ty đang khai thác là tài sản thuộc sở hữu Nhà nước giao cho Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam là đại diện chủ sở hữu Nhà nước thống nhất quản lý và không tính vào giá trị tài sản của Công ty. Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam giao cho Công ty quản lý tài nguyên, trữ lượng than này và hằng năm Công ty khai thác than cho Tập đoàn theo Hợp đồng kinh tế về việc phối hợp kinh doanh giữa Tập đoàn và Công ty.

5. Công ty được phép sử dụng nhãn hiệu “TKV” và “VINACOMIN” của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam ở tên gọi của Công ty bằng tiếng Việt và tiếng Anh theo Quy chế sử dụng nhãn hiệu của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và quy định của pháp luật;

Ngoài các quy định trong Điều lệ này, Công ty có trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty con đối với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam theo Điều lệ của Tập đoàn và các quy chế quản lý trong nội bộ Tập đoàn mà Công ty là một thành viên.

6. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ: Số 42, phố Kim Đồng, phường Cẩm Tây, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
- Điện thoại: 02033864251
- Fax: 02033863942
- E-mail:
- Website:

7. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

8. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại Khoản 2 Điều 58 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là không xác định thời hạn (vô thời hạn) kể từ ngày Công ty được thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 01 Người đại diện theo pháp luật là Giám đốc Công ty. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước trọng tài, tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ này.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu và ngành, nghề kinh doanh của Công ty

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty là tối đa hoá các khoản lợi nhuận hợp lý cho Công ty, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước, đảm bảo quyền lợi cho người lao động và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

2. Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

a) Tại thời điểm hợp nhất, ngành nghề kinh doanh của công ty bao gồm

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác và thu gom than cứng	0510
2	Khai thác và thu gom than non	0520
3	Khai thác quặng sắt	0710
4	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
5	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
6	Khai thác và thu gom than bùn	0892
7	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
8	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
9	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
10	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
11	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
12	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
13	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
14	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
15	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
16	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
17	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
18	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312

TT	Tên ngành	Mã ngành
19	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
20	Sửa chữa thiết bị điện	3314
21	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
22	Sửa chữa thiết bị khác	3319
23	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;	3320
24	Truyền tải và phân phối điện	3512
25	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
26	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
27	Xây dựng nhà để ở	4101
28	Xây dựng nhà không để ở	4102
29	Xây dựng công trình đường sắt	4211
30	Xây dựng công trình đường bộ	4212
31	Xây dựng công trình thủy	4291
32	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
33	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
34	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
35	Phá dỡ	4311
36	Chuẩn bị mặt bằng	4312
37	Lắp đặt hệ thống điện	4321
38	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
39	Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
40	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
41	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
42	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
43	Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa	5022
44	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
45	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy - Quản lý khai thác cảng và bến thủy nội địa	5222
46	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
47	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống, phục vụ lưu động	5610
48	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621



TT	Tên ngành	Mã ngành
49	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê điều hành, quản lý nhà và đất không để ở.	6810
50	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển.	7730

b) Công ty có thể bổ sung các ngành nghề kinh doanh khác phù hợp với quy định của pháp luật và được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ:

a) Vốn điều lệ của Công ty là 619.352.020.000 VNĐ (bằng chữ: Sáu trăm mười chín tỷ, ba trăm năm mươi hai triệu, không trăm hai mươi nghìn đồng). Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 61.935.202 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần.

b) Công ty có thể thay đổi mức vốn điều lệ (tăng, giảm vốn điều lệ) khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

2. Cổ phần:

a) Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11, Điều 12 của Điều lệ này;

Cổ phần phổ thông được dùng làm tài sản cơ sở để phát hành chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết được gọi là cổ phần phổ thông cơ sở. Chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết có lợi ích kinh tế và nghĩa vụ tương ứng với cổ phần phổ thông cơ sở, trừ quyền biểu quyết.

b) Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật;

c) Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông khi được Đại hội cổ đông cổ đông thông qua;

d) Chào bán cổ phần:

- Chào bán cổ phần là việc Công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ;

- Chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ được thực hiện theo một trong các hình thức quy định tại Khoản 2, Điều 123 Luật Doanh nghiệp gồm:

(i) Chào bán cho các cổ đông hiện hữu.

(ii) Chào bán ra công chúng.

(iii) Chào bán cổ phần riêng lẻ.

- Việc chào bán cổ phần của Công ty thực hiện theo các quy định tại các Điều 123, 124, 125 của Luật Doanh nghiệp và quy định của pháp luật về chứng khoán;

đ) Bán cổ phần

Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ trường hợp quy định tại điều 126 Luật Doanh nghiệp phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

e) Mua lại cổ phần

Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Công ty có thể mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo quy định tại Điều 133 Luật Doanh nghiệp. Cổ phần được Công ty mua lại theo quy định tại Điều 132, 133 Luật Doanh nghiệp được coi là cổ phần chưa bán (cổ phiếu quỹ) theo quy định tại Khoản 4, Điều 112 Luật Doanh nghiệp. HĐQT có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan. Trường hợp HĐQT không thực hiện chào bán, Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được Công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

g) Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty đối với nhà đầu tư nước ngoài nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng số phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu trong trường hợp cổ đông chưa thực hiện lưu ký cổ phần tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam

2. Cổ phiếu là loại chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1, Điều 121 của Luật Doanh nghiệp. Liên quan tới cổ phần ưu đãi, ngoài các quy định nêu trên thì chứng nhận cổ phiếu còn phải nêu rõ các hình thức ưu đãi của cổ phần đó và/hoặc các nội dung khác theo quy định của Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Doanh nghiệp

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về

việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán

1. Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu của Công ty và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

2. Sổ đăng ký cổ đông:

a) Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Cổ đông phổ thông và cổ đông ưu đãi khác có thể được đăng ký vào các sổ khác nhau. Sổ đăng ký cổ đông ít nhất phải có các nội dung sau:

- Tên, trụ sở chính của Công ty.
- Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
- Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn của cổ phần đã góp.
- Tên cổ đông được sắp xếp theo vần chữ cái, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức, số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

b) Sổ đăng ký cổ đông có thể được lập và lưu trữ bằng văn bản hoặc bằng tệp dữ liệu điện tử. Sổ đăng ký cổ đông có thể được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc nơi khác nhưng phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh và tất cả các cổ đông biết. Các cổ đông có quyền xem xét và nhận được bản sao danh sách cổ đông Công ty trong giờ làm việc tại nơi lưu giữ sổ đăng ký cổ đông.

3. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty liên quan đến đợt phát hành và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2.2.2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền biểu quyết, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

3. Trong vòng 3 năm kể từ ngày thành lập, các cổ đông sáng lập phải cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp. Cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác. Trường

hợp chuyển nhượng số cổ phần này cho những người không phải là cổ đông sáng lập thì cần phải có sự đồng ý của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của Công ty.

4. Trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác (phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp), tất cả các cổ phần chuyển nhượng đều có thể thực hiện thông qua việc chuyển nhượng bằng văn bản theo cách thông thường, hoặc theo bất kỳ cách nào mà HĐQT có thể chấp nhận. Cổ phiếu đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch phải được chuyển nhượng thông qua Sở giao dịch chứng khoán phù hợp với các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông (trừ trường hợp bên chuyển nhượng ủy quyền cho bên nhận chuyển nhượng tham dự Đại hội cổ đông diễn ra trong thời gian đó theo quy định tại Luật doanh nghiệp).

5. Trong trường hợp cổ đông cá nhân bị chết hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tuyên bố là mất tích, những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản của người chết, người mất tích sẽ được Công ty thừa nhận là người (hoặc những người) duy nhất có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần, nhưng quy định này không giải tỏa tài sản của cổ đông đã chết, đã mất tích khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ. Trường hợp cổ phần của cổ đông bị chết, mất tích mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật dân sự.

6. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty.

7. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

8. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

Điều 10. Thu hồi và thanh toán mua cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Nếu sau thời hạn quy định, cổ đông chưa thanh toán hoặc chỉ thanh toán được một phần số cổ phần đã đăng ký mua thì thực hiện như sau:

a) Cổ đông chưa thanh toán toàn bộ số cổ phần đã đăng ký mua sẽ đương nhiên không còn là cổ đông của Công ty và không được chuyển nhượng quyền mua cổ phần đó cho người khác;

b) Cổ đông chỉ thanh toán một phần số cổ phần đã đăng ký mua sẽ có quyền biểu quyết, nhận lợi tức và các quyền khác tương ứng với số cổ phần đã thanh toán; không được chuyển nhượng quyền mua số cổ phần chưa thanh toán cho người khác;

c) Số cổ phần chưa thanh toán được coi là cổ phần chưa bán và Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu tại Khoản 2 Điều này không được thực hiện và quyết định phương án xử lý tiếp theo.

5. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán theo quy định tại Khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

6. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi do chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi (tính theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn VNĐ tại ngân hàng mà Công ty mở tài khoản) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

7. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

8. Cổ đông chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty phát sinh cho đến khi cổ phần bị thu hồi.

CHƯƠNG V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty;
2. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
3. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;
4. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.